

Số: 59/KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông: số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt Đề án xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia; số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 phê duyệt chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 389/STTTT-CNTT ngày 01/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện Chuyển đổi số phải bám sát quan điểm, định hướng lớn, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và hoàn thành các mục tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các Quyết định, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số¹; Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của BTV Tỉnh ủy; các Nghị quyết chuyên đề, định hướng của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan.

2. Yêu cầu

- Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025.

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Nhân dân, đặc biệt là người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị đóng vai trò quyết định trong thúc đẩy Chuyển đổi số toàn diện. Người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, là động lực của chuyển đổi số và tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển đổi số, do đó cần đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, vận động...góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức, hành động, tạo sự đồng thuận, thống nhất, tập trung cao trong thực hiện. Sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu và hành động đồng bộ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự tham gia tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân là yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công của Chuyển đổi số.

- Mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, người dân cần phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; trong

¹ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030".

đó việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương, từng doanh nghiệp là cơ hội để giải quyết các điểm nghẽn cũng như tạo đột phá trong phát triển, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ninh phải được triển khai toàn diện, kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được của Đề án Chính quyền điện tử, thành phố thông minh và dữ liệu số đã có, vận dụng phù hợp với đặc thù Quảng Ninh, thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp, đi đôi với đổi mới, sáng tạo, gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với cải cách hành chính nhằm chuyển đổi căn bản lề lối, phương thức làm việc trong hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng; hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân và có sự đo lường, đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều phải có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khâu thiết kế.

- Khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số, trong đó nguồn lực doanh nghiệp tạo bứt phá; nguồn lực ngân sách đóng vai trò định hướng, dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước; tăng cường, huy động, thúc đẩy hợp tác công - tư; nguồn lực từ các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế là hỗ trợ; nguồn lực trong Nhân dân là yếu tố quyết định sự thành công.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; phát triển mạnh kinh tế số tạo nền tảng thúc đẩy phát triển và tạo ra các giá trị tăng trưởng mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước đưa kinh tế số giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng GRDP của tỉnh. Xây dựng xã hội số an toàn, nhân văn dựa trên ba trụ cột thiên nhiên - văn hóa - con người để hình thành công dân số, xã hội số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền số quốc gia. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ninh thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu về chỉ số DTI (top 3) và an toàn, an ninh mạng của cả nước; đi đầu trong chuyển đổi số các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; trở thành mô hình mẫu về chuyển đổi số toàn diện cấp tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025

2.1.1 Về phát triển chính quyền số

- 100% các thủ tục hành chính ban hành mới đủ điều kiện cung ứng đạt dịch

vụ công trực tuyến mức độ 4, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở, được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số.

- 100% công việc ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã phải được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ). 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số.

- 100% cơ quan khối Đảng liên thông các quy trình, dữ liệu, hồ sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã (trừ các nội dung mật);

- 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến xã có hạ tầng để triển khai họp trực tuyến; từ năm 2022 trở đi, phần đầu trên 50% cuộc họp giữa tỉnh với huyện, giữa tỉnh với các sở, ngành; giữa huyện với xã được thực hiện theo hình thức trực tuyến.

- Đảm bảo hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT) phục vụ triển khai mô hình đô thị thông minh tại tất cả các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- 100% người đứng đầu, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương (tỉnh, huyện, xã) được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn có nhận thức và có kỹ năng về chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định².

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước định kỳ hằng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

- Từ năm 2022, triển khai thực hiện việc xác thực định danh điện tử công dân qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính các cấp; đối với doanh nghiệp xác thực định danh điện tử qua cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phần đầu đến năm 2024, 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử/chính quyền số được xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp từ tỉnh đến xã và liên thông với Trung ương³.

- Phần đầu hết năm 2023: (1) Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công còn hiệu lực ở cả 3 cấp chính quyền. (2) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ, họp trực tuyến, văn bản, báo cáo, ký số của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ngành, địa phương của tỉnh được thực hiện trên nền tảng số, đảm bảo tính liên thông, thống nhất, tổng thể. (3) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử/chính quyền số (không bao gồm hồ sơ mật).

- Phần đầu hết năm 2023 hoàn thành 08 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng

² Mục tiêu Đề án 146 về nguồn nhân lực CDS quốc gia;

³ Mục tiêu Đề án 06 về CSDL dân cư

của tỉnh gồm: Đất đai; cán bộ, công chức, viên chức; y tế; giáo dục; quy hoạch; du lịch; đầu tư công; giao thông. Các cơ sở dữ liệu nền tảng khác và chuyên ngành (gồm: Tài nguyên, môi trường; công nghiệp - năng lượng; tài chính; văn hóa; xây dựng; xúc tiến đầu tư; nông nghiệp; tư pháp...), hạ tầng dữ liệu không gian cấp tỉnh hoàn thành trong năm 2024.

- Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đến năm 2025, tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Đảm bảo việc kết nối 100% cơ sở dữ liệu quốc gia (Dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm...) ngay sau khi được công bố để khai thác, sử dụng hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo an toàn thông tin mạng: (1) 100% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp và chính quyền tại các Trung tâm HCC được xác thực qua chữ ký số; (2) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hệ thống, ứng dụng trên điện toán đám mây và đảm bảo an toàn thông tin mạng; (3) Vận hành và phát huy hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ninh (SOC).

2.1.2 Về phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm ít nhất 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp từ 47-50% kinh tế số; công nghiệp khai khoáng 30%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 11%/năm.

- 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu (nhận thức, nhân lực, hạ tầng, nền tảng, ứng dụng, dữ liệu...) chuyển đổi số; 100% tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sử dụng hóa đơn điện tử. Phần đầu toàn tỉnh quy tụ được 50 doanh nghiệp số, trong đó có ít nhất 03 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển các sản phẩm, dịch vụ số.

- Tối thiểu 50% doanh nghiệp trong các khu công nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh, 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành.

- 100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp được tiếp cận và có năng lực sử dụng nền tảng số make in Viet Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.

- Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung “Ha Long ICT Park” tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu (Thành phố Hạ Long) trở thành “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực phía Bắc.

2.1.3 Về phát triển xã hội số

- Dịch vụ Internet băng rộng được cung cấp đến 100% hộ gia đình, trong đó

hạ tầng mạng cáp quang đến hộ gia đình đạt 95%.

- Phần đầu 100% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh; 100% người dân có định danh điện tử và mỗi gia đình đều có địa chỉ số; người dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến thông tin cơ bản, đầy đủ về chuyển đổi số và có kỹ năng số.

- 80% người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu (y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, đất đai, ngân hàng...)⁴.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. 100% công dân khi thực hiện thủ tục hành chính không phải xuất trình hồ sơ chứng minh thông tin của bản thân, không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư khi đã có trong CSDL quốc gia về dân cư⁵.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về sử dụng dịch vụ công đạt 98%. Người dân được cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử trên điện thoại di động khi thực hiện thủ tục hành chính.

- 100% các trường học trên địa bàn tỉnh (từ các cấp học phổ thông đến đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh) có nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo; 60% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số⁶. 100% học sinh các cấp có hồ sơ, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử; triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp dựa trên dữ liệu số.

- 100% người dân được chăm sóc sức khỏe trên nền tảng y tế số và có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- 50% các bệnh viện triển khai hệ thống thông tin điều hành bệnh viện thông minh; 100% thông tin y tế được chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Trung tâm điều hành thông minh của Tỉnh Quảng Ninh, của Sở Y tế, của Quốc gia.

- 100% các cơ sở khám chữa bệnh chuyển đổi số thành công, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 95%.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 13%/năm.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- 90% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; 80% các

⁴ Mục tiêu Đề án 146 về nguồn nhân lực CDS quốc gia;

⁵ Mục tiêu Đề án 06 về CSDL dân cư;

⁶ Mục tiêu Đề án 146 về nguồn nhân lực CDS quốc gia;

quyết định điều hành được hỗ trợ bởi các hệ thống phân tích dữ liệu và dữ liệu lớn.

- 90% người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu (y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, đất đai, ngân hàng...)⁷.

- 85% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số⁸.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 99%.

- Tăng 40% dịch vụ mới dựa trên dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp.

- Phần đầu có tối thiểu 500 doanh nghiệp số, trong đó có các doanh nghiệp “*Make in Vietnam*” làm ra các sản phẩm công nghệ lõi, chủ lực trong chuyển đổi số, đô thị thông minh.

2.3. Mục tiêu cụ thể năm 2022

2.3.1. Về phát triển chính quyền số

- 100% công việc ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã được xử lý toàn bộ trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ).

- 80% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ;

- 60% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến;

- 70% thống kê, báo cáo được thực hiện trực tuyến⁷;

- 100% người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng chữ ký số, xử lý công việc trên hệ thống chính quyền điện tử phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số; trong đó 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số;

- 04 thành phố: Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí đưa vào vận hành/thí điểm Trung tâm điều hành thông minh;

- 100% các giao dịch giữa doanh nghiệp với hệ thống chính quyền được xác thực sử dụng chữ ký số;

- Quảng Ninh nằm trong nhóm 3 tỉnh/thành phố dẫn đầu về chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

2.3.2. Về phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm 8% trong GRDP, trong đó: Công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 40%; khai khoáng chiếm: 30%; kinh tế số ngành: thương mại: 10%, năng lượng: 10%, nông nghiệp: 5%, cảng biển - logistic: 5%;

- 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số;

- 100% các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử;

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và

⁷ Mục tiêu Đề án 146 về nguồn nhân lực CDS quốc gia;

⁸ Mục tiêu Đề án 146 về nguồn nhân lực CDS quốc gia;

doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh chiếm 10%;

- 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm thủy sản, 80% sản phẩm nông sản được truy xuất nguồn gốc và giao dịch trên sàn thương mại điện tử;

2.3.3. Về phát triển xã hội số

- 85% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng và sóng viễn thông di động; hoàn thành xây dựng hạ tầng viễn thông phủ lôm sóng di động tại 70 vị trí và kết nối internet băng rộng cố định tại 117 điểm khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- 100% trường học, bệnh viện, Trung tâm HCC các cấp, bộ phận một cửa, điện, nước và các siêu thị, cửa hàng tiện lợi sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt;

- 100% hộ gia đình có địa chỉ bưu chính gắn với bản đồ số;

- 20% người dân có kỹ năng số cơ bản (sử dụng DVC trực tuyến, khai thác sử dụng Internet, thanh toán điện tử...);

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 90%; có chữ ký số cá nhân 15%;

- 100% người dân có sổ sức khỏe điện tử được đưa vào sử dụng; 100% người dân trưởng thành sử dụng nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa;

- 90% người dân trưởng thành có điện thoại thông minh, trong đó 90% cài đặt ứng dụng (app) bảo hiểm xã hội số (VssID);

- Triển khai hạ tầng mạng di động 5G tại khu hành chính của tỉnh (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các trụ sở Liên cơ quan), 03 bệnh viện thông minh⁹, khu du lịch Tuần Châu.

- Đào tạo 100 nhân lực công nghệ số nòng cốt trong bộ máy nhà nước;

- 100% địa phương cấp huyện có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại, quản trị tập trung.

(Tổng hợp các mục tiêu chuyển đổi số tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tích hợp bộ chỉ số đánh giá về chính quyền điện tử và phân nhóm đối tượng để thực hiện theo đặc thù và sự tương đồng của các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp trên địa bàn. Đưa chỉ số chuyển đổi số trở thành một trong những chỉ số thành phần đánh giá về cải cách hành chính/ sự hài lòng của người dân/quản trị cấp huyện/ nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đó tập trung thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên cho nguồn nhân lực CNTT mới tốt nghiệp từ các trường Đại học trên địa bàn Tỉnh và cả nước (cập nhật vào Đề án “Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”).

- Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý phù hợp, tạo điều kiện thúc đẩy

⁹ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh, Bệnh viện Bãi Cháy

chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn cho chuyển đổi số; xây dựng, ban hành các quy định hoàn thiện quy trình hoạt động, phối hợp của các cơ quan nhà nước để bảo đảm phù hợp với môi trường số, thúc đẩy chuyển đổi số trong khu vực tư nhân, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ dân quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín trong và ngoài nước.

- Xây dựng Bộ quy chế, quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng, chia sẻ các hệ thống, nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số... được xây dựng, hình thành trong quá trình triển khai thực hiện Chuyển đổi số để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phát huy hiệu quả cao nhất gắn với an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng cơ chế chính sách riêng cho Khu công nghệ thông tin tập trung (Ha Long ICT Park) của tỉnh tại phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long; xây dựng, bổ sung cơ chế thu hút đầu tư, trong đó qui định rõ hàm lượng sử dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ của các dự án khi đầu tư tại các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng và nền tảng cho chuyển đổi số

2.1. Phát triển hạ tầng số dùng chung tỉnh Quảng Ninh

- Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây đảm bảo đồng bộ, hiện đại phục vụ chuyển đổi số của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin; chuyển đổi chức năng của Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện có trở thành trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng mạng băng rộng: Phát triển internet công cộng thông minh, chất lượng cao để cung cấp các sản phẩm số, dịch vụ số; đảm bảo có hạ tầng cáp quang để thiết lập mạng Internet băng rộng cố định đối với các địa bàn chưa có hạ tầng băng rộng cố định; thiết lập mạng truy cập băng rộng di động tại các vùng lõm sóng; nâng cấp phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao.

- Phổ cập điện thoại thông minh toàn dân.

- Triển khai hạ tầng mạng kết nối và phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) để triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu (giao thông, năng lượng, môi trường, điện, nước...) trên cơ sở phát huy, tận dụng tối đa các hệ thống đã đầu tư trước đó và liên thông với hệ thống của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng, mở rộng mạng lưới các thiết bị/loại cảm biến thu thập dữ liệu IoT theo các ngành, lĩnh vực và dịch vụ đô thị thông minh.

2.2. Phát triển kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh

- Triển khai Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh đảm bảo cho phép thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa, làm sạch và phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn dữ liệu của tỉnh và ngoài tỉnh trên cơ sở tổng kiểm tra và tái cấu trúc, quy hoạch các thông tin, dữ liệu và sử dụng giải pháp “Hồ dữ liệu”, “Kho dữ liệu”.

- Triển khai Cổng dữ liệu mở, tạo lập và cung cấp/công bố dữ liệu mở của tỉnh trên môi trường số qua Cổng dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp có thể truy cập, khai thác, sử dụng; định hướng cung cấp cho người

dân và doanh nghiệp kịp thời theo phương thức một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu đến Cổng dữ liệu mở quốc gia. Sử dụng tổng hợp các nguồn lực, trong đó tận dụng tối đa nguồn lực của doanh nghiệp, đặc biệt các tập đoàn đã ký kết hợp tác với tỉnh để đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số.

2.3. Phát triển nền tảng số dùng chung

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Triển khai nền tảng định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh cho phép xác thực truy cập và cấp quyền tập trung khi tham gia sử dụng các sản phẩm số, dịch vụ số của tỉnh; bảo đảm mỗi người dân có một định danh điện tử trên môi trường mạng.

- Triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng mở rộng các đối tác, đa dạng hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải,...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản...).

- Triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh bảo đảm phù hợp, tương thích và có khả năng triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây (nền tảng số hóa, nền tảng du lịch số, nền tảng công dân số, nền tảng cửa khẩu số, nền tảng định danh cá nhân và xác thực điện tử; nền tảng thanh toán trực tuyến; nền tảng số hóa; các nền tảng công nghệ triển khai phạm vi cấp tỉnh ...). Trong năm 2022, tập trung triển khai nền tảng số hóa đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh để phục vụ lưu trữ, quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả trên môi trường số làm cơ sở thiết lập hồ dữ liệu/kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, cho phép doanh nghiệp, người dân tham gia số hóa dữ liệu và nền tảng cửa khẩu số đối với các cửa khẩu trên bộ của tỉnh.

- Triển khai các nền tảng số quốc gia dùng chung theo ngành, lĩnh vực do các bộ, ngành Trung ương chủ trì và công bố¹⁰.

2.4. Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng, áp dụng các quy định, chính sách và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tăng cường hợp tác về an toàn, an ninh mạng; tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số. Tuyệt đối không để lộ lọt các văn bản, hồ sơ, tài liệu mật trên môi trường số.

- Phổ cập an toàn thông tin mạng toàn dân. Mỗi người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản và có kỹ năng, kiến thức cơ bản về an toàn thông tin để tự bảo vệ mình và người thân (do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai cung cấp miễn phí). Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phổ cập danh tính số toàn dân để đảm bảo người dân có thể dễ dàng chứng

¹⁰ Thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022

minh danh tính thật trên môi trường số, sử dụng các dịch vụ số một cách trọn vẹn, không cần hiện diện trực tiếp.

- Hoàn thành việc tích hợp chữ ký số công cộng trên cổng dịch vụ công của tỉnh để xác thực khi giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Hoàn thành việc phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đạt 100% đối với hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ninh.

- Đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Lực lượng tại chỗ; Tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Tổ chức hoặc doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ; định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin) đối với các hệ thống thông tin của tỉnh và của các ngành, địa phương.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC), kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng quốc gia. Chủ động giám sát các nguy cơ tấn công và mất an toàn thông tin mạng, có hành động ứng phó kịp thời theo phương châm “3 trước, 4 tại chỗ” đảm bảo “từ xa, từ sớm, từ cơ sở”.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá và xác định cấp độ an toàn thông tin và định kỳ tổ chức diễn tập và diễn tập thực chiến ở cấp tỉnh về ứng cứu sự cố gây mất an toàn thông tin mạng, tiến tới mục tiêu tổ chức diễn tập ở cấp huyện và một số ngành trọng yếu.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các hệ thống, nền tảng hỗ trợ chuyển đổi số của tỉnh trước khi đưa vào sử dụng, khi mở rộng hoặc nâng cấp.

2.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Định kỳ hằng năm đưa vào chương trình đào tạo của tỉnh về việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, đội ngũ làm công tác truyền thông đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm đảm nhiệm nhằm tăng cường lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng phục vụ chuyển đổi số tại Quảng Ninh. Tập trung đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp; lãnh đạo chuyên trách về CNTT (CIO); cán bộ chuyên trách CNTT (IT) tại các cơ quan nhà nước; đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực quản trị cho cán bộ vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu, Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng của tỉnh... Cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức phải là lực lượng chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng mô hình mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số theo hướng đào tạo tại chỗ từ nguồn nhân lực tại chỗ để từ đó tiếp tục nhân rộng, lan tỏa.

- Xây dựng mô hình tổ công nghệ cộng đồng trong toàn tỉnh (tổ dân, khu phố, thôn, bản) trong đó lực lượng chủ công, nòng cốt đóng vai trò dẫn dắt là đoàn viên thanh niên.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Các doanh nghiệp chủ động tổ chức các khóa đào tạo lại, đào tạo nâng cao, bồi dưỡng, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người đứng đầu các doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp, trong khu công nghiệp, khu kinh tế; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng.

- Đổi mới cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường THCS, THPT để hình thành thói quen số, văn hóa số. Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, điện tử, tự động hóa, điện tử viễn thông ... chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của Cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu tại trường Đại học Hạ Long và các trường cao đẳng có ngành nghề đào tạo liên quan. Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao đến sinh sống và làm việc tại tỉnh.

- Phát triển, đổi mới toàn diện hoạt động tìm kiếm nhân tài, tài năng qua ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động như: Tổ chức, quản lý Cuộc thi, Hội thi, Giải thưởng Sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh và tôn vinh danh hiệu “Trí thức KHCN tiêu biểu”, “Diễn hình lao động sáng tạo”, “Tài năng trẻ KHCN” tỉnh Quảng Ninh.

3. Phát triển Chính quyền số

3.1. Phát triển hạ tầng Chính quyền số

- Tập trung hoàn thiện dứt điểm nền tảng Chính quyền điện tử để đảm bảo cơ sở vững chắc khi chuyển sang chính quyền số; Duy trì, nâng cao chất lượng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên đường truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo vận hành ổn định, hiệu quả, an toàn thông tin mạng.

- Hoàn thành chuyển đổi Ipv6 trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ninh. Nâng cấp hệ thống mạng LAN và các thiết bị đầu cuối cho người dùng tại các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Duy trì, nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trên cơ sở bảo đảm cho phép sử dụng trên môi trường web kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, đảm bảo tính bảo mật, an toàn, an ninh mạng, có khả năng kết nối với hệ thống hợp không giấy tờ. Đảm bảo cơ sở vật chất cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

3.2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử, tích hợp hệ thống một cửa điện tử với các hệ thống giải quyết TTHC của các Bộ, ban, ngành Trung ương, bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động và tích hợp trên Cổng Dịch vụ Công quốc gia; ứng dụng định danh điện

tử quốc gia (VNEID), tích hợp dữ liệu để người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Phát triển, triển khai nền tảng công dân số và ứng dụng công dân số để cung cấp các tiện ích, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân trên nền tảng thiết bị di động thông minh.

- Hiện đại hóa trang thiết bị trong giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp (nâng cấp đường truyền, bổ sung các thiết bị ngoại vi, thiết bị quét mã vạch tích hợp với hệ thống phần mềm một cửa điện tử...; sử dụng công nghệ AI để xây dựng, triển khai ứng dụng Trợ lý ảo hỗ trợ người dân, doanh nghiệp).

3.3. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh

- Phát triển, bổ sung hệ thống quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp của các cơ quan khối Đảng, đoàn thể, chính quyền đảm bảo chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường số.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo, thống kê về kinh tế - xã hội (ngành, lĩnh vực, tổng hợp...) từ cấp xã đến cấp tỉnh phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung khối Đảng - chính quyền - tổ chức đoàn thể.

- Xây dựng và triển khai hệ thống hợp không giấy tờ trong toàn tỉnh. Triển khai công tác thanh, kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số. Triển khai thí điểm Trợ lý ảo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và tác nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Phát triển, triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành/ứng dụng số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, chuyên môn nghiệp vụ riêng của từng, ngành, lĩnh vực theo yêu cầu quản lý, thực hiện các mục tiêu của Đề án.

3.4. Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể và các cấp chính quyền

- Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực, văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể từ năm 2010 trở lại đây bảo đảm dữ liệu “đủ - sạch - sống”; sử dụng ít nhất 10 loại dữ liệu số chuyên ngành (Dân cư, Doanh nghiệp, Đất đai, Giao thông, Xây dựng, Tài nguyên môi trường, Tư pháp, Thuế...) để thay thế thành phần hồ sơ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công.

- Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm...

- Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian cấp tỉnh, tạo nền tảng số để hình thành bản đồ hợp nhất dữ liệu các ngành; xây dựng CSDL chuyên ngành của tỉnh, ưu tiên các ngành trọng tâm phải hoàn thành chuyển đổi số trước năm 2025 (Y tế, Giáo dục, Du lịch, Đất đai, Giao thông, Công thương, Cán bộ công chức viên chức, Xây dựng, Nông nghiệp, Tài chính, thương mại, ngân hàng...) và sử dụng hiệu quả trong hoạt động của hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

3.5. Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Kể từ năm 2022, xây dựng, vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; trong đó xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các hoạt động của đô thị phục vụ công tác dự báo, chỉ đạo, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu số.

3.6. Trong năm 2022 mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn, thí điểm một (01) mô hình “chuyển đổi số” và hướng đến nhân rộng ra toàn tỉnh.

4. Phát triển Kinh tế số

- Ưu tiên triển khai các ứng dụng phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp trong mô hình chính quyền đô thị.

- Phát triển kinh tế số ngành trong đó tập trung vào chuyển đổi số các ngành kinh tế trọng điểm của Quảng Ninh (công nghiệp, chế biến chế tạo, khai khoáng, năng lượng, nông nghiệp, giao thông và logistics thông minh, cửa khẩu số, du lịch, tài chính ngân hàng, kinh tế cửa khẩu...).

- Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số và khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh, kết nối trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ thị trường thương mại điện tử phát triển nhanh và mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; duy trì, vận hành và nâng cấp, bổ sung tính năng hoạt động cho Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ninh (teqni.gov.vn) hoạt động tốt, ổn định đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, người tiêu dùng, kết nối với các sàn thương mại điện tử lớn, uy tín trong nước.

- Xây dựng hệ sinh thái kinh doanh số lấy doanh nghiệp làm trung tâm: Thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số (khuyến khích các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển các ứng dụng, giải pháp số); hỗ trợ các doanh nghiệp trong phát triển, hợp tác về thương mại điện tử; hỗ trợ xây dựng thương hiệu trực tuyến cho các hàng hóa, dịch vụ chủ lực của tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi mô hình kinh doanh và thiết lập môi trường kinh doanh cạnh tranh, lành mạnh (như phát triển thị trường thương mại điện tử; thu thuế thông minh kết nối tích hợp với các hệ thống thuế, hải quan, thanh toán của các ngân hàng...; hợp tác, thúc đẩy và hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển, ứng dụng thương mại điện tử).

- Đột phá phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số: Xây dựng Ha Long ICT Park trở thành “Cảng dữ liệu” là nơi tập trung, cung cấp dữ liệu và dịch vụ dữ liệu cho khu vực phía Bắc theo hình thức đối tác công tư PPP; phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo khu vực phía Bắc (thuộc Ha Long ICT Park) để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức trong nước và quốc

tế đến “Sống tại Quảng Ninh, làm việc toàn cầu”; thu hút các công ty công nghệ số chuyên địa điểm hoạt động, cơ sở sản xuất về Quảng Ninh; hợp tác R&D thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu STEM hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu để phát triển công nghệ mới và thử nghiệm tại Quảng Ninh; điều phối hệ sinh thái khởi nghiệp dựa trên công nghệ số.

- Phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện; phát triển bền vững trên cơ sở thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, thanh toán theo hướng tự động hóa quy trình, tối ưu hóa hoạt động nghiệp vụ, tạo nền tảng cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Xây dựng 04 đô thị thông minh: Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái; các khu kinh tế Vân Đồn, khu kinh tế ven biển Quảng Yên phát triển theo mô hình đô thị thông minh.

- Cải thiện môi trường đầu tư từ việc triển khai nền tảng số, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các chỉ số về kinh tế số tạo môi trường thuận lợi cho việc thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư các giải pháp chuyển đổi số và đặt trụ sở tại Quảng Ninh.

- Hình thành các khu công nghiệp thông minh trong đó các doanh nghiệp hoạt động phải sử dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ để thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế số của tỉnh;

5. Phát triển Xã hội số

5.1. Phát triển, triển khai các ứng dụng số cung cấp tiện ích, phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh

- Triển khai hiệu quả ứng dụng Công dân số trên nền tảng thiết bị di động với mục tiêu mỗi người dân Quảng Ninh và du khách có điện thoại di động thông minh đều cài đặt và sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân.

- Xây dựng triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Đảm bảo các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được gắn mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode).

- Phát triển, triển khai ứng dụng số quản lý tập trung các thông tin về nhu cầu sử dụng, tuyển dụng lao động, nhu cầu việc làm và hỗ trợ mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận, lựa chọn được việc làm phù hợp theo yêu cầu cá thể hóa.

- Phấn đấu toàn bộ người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn Quảng Ninh tiếp cận thông tin về tỉnh thông qua ứng dụng Quang Ninh Media và đảm bảo việc tiếp cận thông tin của người dân trên địa bàn qua nhiều nền tảng truyền thông số hiện đại. Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn tỉnh với mục tiêu mọi người dân đều được tiếp cận thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ.

5.2. Thúc đẩy người dân sử dụng thiết bị số gắn với đào tạo kỹ năng số và xây dựng văn hóa số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng thông qua các khóa tập huấn, đào tạo trực tuyến, các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thay đổi thói quen, hành vi về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

- Xây dựng bộ tiêu chí về văn hóa số của người Quảng Ninh văn minh, lịch sự trên môi trường số.

- Xây dựng và áp dụng cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo cho người dân các kỹ năng số để khai thác các tiện ích, làm chủ các thiết bị số gắn với việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng và thực hiện văn hóa số.

5.3. Xây dựng, cung cấp các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh đối với các lĩnh vực thiết yếu cho người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp, tạo môi trường thuận lợi để giúp người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu, như: sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, thông tin bất động sản, quy hoạch xây dựng, đất đai, việc làm, các tiện ích thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ ...tích hợp trên ứng dụng Công dân số nâng cao chất lượng cuộc sống và mang lại sự hài lòng cho người dân.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ và khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử lớn trong và ngoài nước; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, OCOP của tỉnh.

6. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

6.1. Lĩnh vực Y tế

Triển khai nền tảng quản trị y tế thông minh (liên thông 3 cấp tỉnh, huyện, xã) dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế của tỉnh kết nối liên thông, đồng bộ với Bộ Y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa. Nhân rộng mô hình bệnh viện thông minh trên cơ sở 3 bệnh viện thông minh đã được xây dựng và phát huy hiệu quả thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020; các cơ sở khám chữa bệnh đều sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; thanh toán viện phí điện tử và đơn thuốc điện tử. Thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân đến từng hộ gia đình bằng hồ sơ sức khỏe điện tử hoàn thành trong năm 2022, bảo đảm liên thông khi khám chữa bệnh, thực hiện hướng dẫn phòng ngừa và chữa bệnh ngay từ gia đình.

6.2. Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

- Đổi mới phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thường xuyên, liên tục; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý giáo dục dựa trên công nghệ số và dữ liệu về giáo dục và đào tạo. Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả các phòng học, trường học thông minh đã đầu tư giai đoạn 2017-2020. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, học tập và tuyển sinh; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn; Triển khai đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho công nhân, người lao động ít nhất 01 giờ/tuần tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và khối các trường phổ thông. Xây dựng Trường Đại học Hạ Long trở thành đại học số.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; triển khai hoạt động đào tạo và các hoạt động huấn luyện về tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lan tỏa rộng khắp trong học sinh, sinh viên toàn tỉnh.

6.3. Lĩnh vực du lịch

- Phát triển nền tảng du lịch số dùng chung toàn tỉnh, ứng dụng công nghệ số phục vụ hoạt động du lịch thông minh (*sàn giao dịch du lịch điện tử, bản đồ số du lịch, thẻ du lịch thông minh, đăng ký sử dụng dịch vụ du lịch qua thiết bị di động thông minh...*), hình thành sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường...; triển khai nền tảng số quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch, ứng dụng công nghệ số để quản lý, điều hành lĩnh vực du lịch; Xây dựng Di sản số Vịnh Hạ Long quản trị theo mô hình kinh tế tuần hoàn, quản trị di sản bền vững.

- Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của Sở Du lịch, phát triển mạnh kinh tế số ngành du lịch tạo nền tảng thúc đẩy phát triển và tạo ra các giá trị tăng trưởng mới, từng bước đưa kinh tế số du lịch giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng ngành du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

6.4. Lĩnh vực công nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số, công nghệ số trong sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng, chế biến chế tạo. Xây dựng hệ thống quản lý thông minh trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; hình thành các khu công nghiệp thông minh; phát triển công nghiệp ICT gắn với xây dựng Hạ Long ICT Park theo định hướng “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo.

6.5. Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý hạ tầng giao thông thông minh trên nền tảng số và triển khai hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh, hệ thống

thu phí điện tử không dùng đồng bộ đã có trên toàn tỉnh; triển khai hệ thống ứng dụng để phục vụ xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông, quản lý quy hoạch giao thông, kiểm soát giao thông thông minh. Số hóa cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về phương tiện, người điều khiển phương tiện giao thông; tạo lập kho dữ liệu số ngành Giao thông vận tải; xây dựng bản đồ GIS về logistics, ứng dụng nền tảng và công nghệ số trong quản lý vận tải của các cảng, bến thủy nội địa, từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics, hình thành các trung tâm kho bãi chia chọn tự động dựa trên công nghệ số, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước.

6.6. Phát triển cửa khẩu số

Nâng cấp, phát triển và hiện đại hóa các cửa khẩu gắn với xây dựng và triển khai nền tảng cửa khẩu số số ứng dụng thống nhất cho tất cả các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp có phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; áp dụng các công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối, chia sẻ qua trục liên thông, tích hợp dữ liệu của tỉnh; Đưa toàn bộ hoạt động cửa khẩu lên môi trường số kết nối với hệ thống logistic để hỗ trợ liên kết vùng; triển khai/thúc đẩy công nghệ số để cải thiện chất lượng dịch vụ logistics.

6.7. Lĩnh vực nông nghiệp

- Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện ngành Nông nghiệp và PTNT theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; quản lý nông nghiệp dựa trên công nghệ số, xây dựng nền tảng dữ liệu số phục vụ quản lý ngành; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý giám sát nguồn gốc nông sản, chuỗi cung ứng sản phẩm, phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số; triển khai nền tảng ứng dụng công nghệ chuỗi khối để cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai phục vụ nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp thay đổi, nâng cao nhận thức và truyền thông về chuyển đổi số

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách; có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về

sự cần thiết, tính cấp thiết và lợi ích mang lại của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, cách thức điều hành, ra quyết định trên nền tảng sử dụng dữ liệu số.

- Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội về chuyển đổi số.

- Thiết lập, triển khai có hiệu quả các chuyên mục về chuyển đổi số trên các kênh truyền thông chủ yếu của tỉnh như: Cổng thông tin điện tử, Kênh Truyền hình Quảng Ninh, Kênh Phát thanh Quảng Ninh, Báo Quảng Ninh Điện tử, Báo Quảng Ninh giấy, các Fanpage chính thức của tỉnh, của Trung tâm Truyền thông tỉnh và các đơn vị, sở, ngành, địa phương... để thông tin, tuyên truyền, chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương điển hình về chuyển đổi số.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức triển lãm các thành tựu chuyển đổi số của tỉnh và hội chợ công nghệ số “*Make in Viet Nam*” quy mô quốc gia, quốc tế; thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công từ đó để nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Xây dựng mô hình truyền thông số hướng đến người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Ninh; Truyền thông đồng bộ, toàn diện bằng nhiều hình thức trên toàn bộ các hạ tầng, ấn phẩm để nâng cao nhận thức cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về chương trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh, vai trò của chuyển đổi số tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền, Nhân dân trong tỉnh để triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành, địa phương tự chủ động tuyên truyền về chuyển đổi số trên các nền tảng truyền thông, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở.

- Truyền thông về chuyển đổi số hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp; nâng cao văn hoá khai thác và kỹ năng sử dụng công nghệ số từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng số lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội số, gắn kết với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người sử dụng. Chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội về chuyển đổi số.

- Sử dụng hệ thống Tổng đài đường dây nóng của tỉnh và các kênh thông tin để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước; khuyến khích và tiếp nhận ý kiến, đề xuất đổi mới, sáng tạo của mọi thành phần trong nền kinh tế (bao gồm các cán bộ cơ quan nhà nước trong khu vực công; các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong khu vực tư nhân).

- Giao người đứng đầu cấp xã, thôn, tổ dân phố phối hợp với Bí thư đoàn

thanh niên cấp xã, thôn có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải các thông điệp thiết thực, gần gũi và các kỹ năng số cơ bản thông qua các ấn phẩm tuyên truyền để người dân tại thôn, khu thuộc địa bàn quản lý nắm biết lợi ích mang lại cho người dân, sẵn sàng và tích cực tham gia.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến về Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh và kết quả chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ninh hàng năm bằng nhiều hình thức; xây dựng và triển khai đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số cấp sở, ngành địa phương, đưa thành 01 chỉ số trụ cột thành phần đánh giá trong bộ chỉ số của tỉnh đánh giá cải cách hành chính/năng lực cạnh tranh/sự hài lòng người dân/ quản trị cấp huyện. Tổ chức xếp hạng, vinh danh và nhân rộng các mô hình, tổ chức điển hình dẫn đầu trong chuyển đổi số.

- Ban hành các quy định, quy chế để cán bộ công chức viên chức bắt buộc sử dụng các nền tảng số, các công cụ số để xử lý công việc, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số, từng bước hình thành và duy trì thói quen số cùng với các quy tắc ứng xử trên môi trường số, tạo thành văn hóa số trước hết trong hệ thống chính trị, lan tỏa ra cộng đồng xã hội.

2. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch quyết định các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hàng năm. Định kỳ kiểm tra, rà soát các kết quả và nội dung nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số, đối chiếu với các chỉ tiêu chuyển đổi số của Trung ương và tình hình thực tiễn triển khai để cập nhật cho phù hợp.

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các địa phương; Ban Chuyển đổi số các sở, ban, ngành chủ động, chịu trách nhiệm và thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp tới cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

- Gắn chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các ngành, đơn vị, địa phương; các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách các lĩnh vực chịu trách nhiệm triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương được giao.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình về chuyển đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính

quyền điện tử, đô thị thông minh, chuyển nhanh chính quyền điện tử sang chính quyền số; triển khai chuyển đổi số phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người và bản sắc văn hóa của tỉnh Quảng Ninh.

- Triển khai phần mềm quản lý, đánh giá, kiểm tra thống kê bộ chỉ số chuyên đổi số đối với các sở, ban, ngành, địa phương trong toàn tỉnh; tổ chức kiểm đếm, đánh giá định kỳ tại các kỳ họp thường kỳ của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

- Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh.

- Các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, sửa đổi, ban hành các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại, kinh tế chia sẻ... để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên các nền tảng công nghệ số.

3. Giải pháp về đào tạo

- Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo về kỹ năng số, quản trị số, lãnh đạo số, chiến lược chuyển đổi số,... để đào tạo, tập huấn cho 100% lãnh đạo các cơ quan Đảng, các tổ chức đoàn thể và các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Xây dựng chương trình, triển khai tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi toàn diện môi trường làm việc lên môi trường số cho cán bộ, công chức và tạo được lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng ra toàn xã hội phục vụ chuyển đổi số tại Quảng Ninh. Từng bước mở rộng chương trình đào tạo gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật kết nối, chuỗi khối (Blockchain)...

- Triển khai đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin theo định kỳ và các xu hướng phát triển của công nghệ để làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh. Đồng thời, đào tạo mỗi sở, ngành, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 cán bộ nòng cốt phụ trách chuyển đổi số từ nguồn nhân lực tại chỗ.

- Xây dựng chương trình, triển khai đào tạo, tập huấn phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Triển khai đào tạo cho đội ngũ làm công tác truyền thông về chuyển đổi số đồng thời cũng là một chủ thể thực hiện chuyển đổi số là cán bộ, phóng viên của Trung tâm truyền thông tỉnh để tuyên truyền hiệu quả.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về chuyển đổi số; khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo và trang bị cho người lao động các kỹ năng cần thiết để tham gia chuyển đổi số.

4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng và phát triển

nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhất là cho các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, dịch vụ logistics, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, du lịch, dịch vụ... và đội ngũ trí thức, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Quảng Ninh.

- Mở rộng liên kết hợp tác, từng bước phát triển để trở thành trung tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực Bắc Bộ; nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo, dạy nghề theo hướng chất lượng cao, ưu tiên các lĩnh vực ngành nghề như công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch, dịch vụ, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử, kinh tế cảng biển và dịch vụ cảng biển,...

- Tập trung phát triển Trường Đại học Hạ Long thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và khu vực theo mô hình Đại học số; đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh trở thành trường đào tạo các nghề trọng điểm cấp quốc gia, quốc tế, đáp ứng nhân lực có tay nghề cao cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu hướng hội nhập quốc tế về lao động; tập trung đầu tư trở thành một trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tiên trên toàn quốc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn theo Đề án chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Tạo chuỗi liên kết lao động sau đào tạo với doanh nghiệp, huy động mọi thành phần kinh tế tham gia. Chú trọng đào tạo nghề gắn với dây mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo, đào tạo lại với thu hút nhân lực chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô chất lượng dân số đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và của doanh nghiệp.

- Tái cấu trúc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông trở thành Trung tâm Chuyển đổi số; hợp nhất các trung tâm công nghệ thông tin, trung tâm thông tin đang hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành và tương đương vào Trung tâm Chuyển đổi số trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên sâu về chuyển đổi số tại Trung tâm này đảm bảo có đội ngũ kỹ thuật viên mạnh, đủ năng lực làm chủ công nghệ, chủ động được việc quản lý, vận hành và phát triển các hệ thống và hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

5. Giải pháp tài chính

- Sử dụng mọi nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số; trong đó, nguồn lực doanh nghiệp công nghệ số tạo bứt phá, nguồn lực của tỉnh đóng vai trò dẫn dắt, nguồn lực từ các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế là hỗ trợ, nguồn lực trong nhân dân là yếu tố quyết định sự thành công.

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; hàng năm, bố trí tối thiểu 2% dự

toán chi ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) cho chuyển đổi số.

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Đề án được giao cho các sở, ban, ngành chủ trì; địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Đề án được giao cho các địa phương chủ trì. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ phát phát triển nền tảng và hạ tầng số dùng chung, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, bảo đảm an toàn an ninh mạng hàng năm theo đúng quy định của pháp luật; chủ yếu làm vốn môi để huy động tối đa mọi nguồn lực hợp pháp khác, đa dạng hóa hình thức đầu tư.

- Ưu tiên thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin (theo hình thức trọn gói) trong cơ quan nhà nước đảm bảo hiệu quả thiết thực, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm"; hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đồng hành cùng cơ quan nhà nước (như hợp tác theo hình thức đối tác công tư, huy động tín dụng từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, thuê, các quỹ đầu tư, trung tâm đổi mới sáng tạo...) trong việc xây dựng, cung cấp dịch vụ số nhằm giúp tăng cường, cải thiện năng lực khả năng vận hành, khai thác hệ thống CNTT của các cơ quan nhà nước, giảm khó khăn, áp lực về kinh phí, nhân lực.

- Xây dựng, triển khai các cơ chế ưu đãi tài chính để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp số trong hoạt động nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ số hoặc các doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ số để chuyển đổi mô hình kinh doanh từ truyền thống sang mô hình kinh doanh trên môi trường số.

6. Giải pháp hợp tác

- Hợp tác với một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực, kinh nghiệm để tham gia xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, nguồn nhân lực và các Khu CNTT tập trung đáp ứng yêu cầu, định hướng Chuyển đổi số toàn diện; tham gia thẩm định, phản biện các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hợp tác, tư vấn triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; phối hợp vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin mạng; tham gia triển khai thí điểm các giải pháp, nền tảng số tại một số huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới ở Quảng Ninh, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ cao tại tỉnh Quảng Ninh.

- Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các trường, viện trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ, giải pháp và nền tảng số tại tỉnh Quảng Ninh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu khoa học về công nghệ số, kỹ năng số; khuyến khích các cơ sở đào tạo của tỉnh xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên, sinh viên với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ

năng số có uy tín trên thế giới.

- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, đô thị thông minh, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các công nghệ mới, mô hình mới. Chủ động, tích cực tham gia các hiệp hội, tổ chức trong và ngoài nước, các sáng kiến về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Tạo môi trường để thúc đẩy hợp tác và đổi mới sáng tạo giữa cộng đồng doanh nghiệp số Quảng Ninh với các doanh nghiệp số, trường, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến hỗ trợ đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư quốc tế vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường, nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

7. Kiểm tra, giám sát

- Định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chuyển đổi số các ngành, địa phương thông qua các hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp và hệ thống phần mềm quản lý đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng trong tổ chức thực hiện về nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Đề nghị HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Ban thuộc HĐND tỉnh phối hợp thực hiện giám sát các nội dung, tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của người đứng đầu; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chính trị quan trọng để thường xuyên đôn đốc thực hiện. Công tác đầu tư, mua sắm trong các kế hoạch, chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cần theo nguyên tắc: có người làm, có người giám sát độc lập, thực hiện việc kiểm tra, giám sát kịp thời ngay từ khâu lập kế hoạch, phê duyệt chủ trương, lập dự toán đến các khâu thực hiện đầu tư, mua sắm và đến khâu quyết toán.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Lộ trình thực hiện được chia thành 3 giai đoạn:

Hạng mục	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2025-2030
Chính quyền số	Khai thác tối đa chính quyền điện tử, thành phố thông minh; phát triển hạ tầng và nền tảng số; số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện	Triển khai chính quyền dựa trên dữ liệu, tiếp tục mở rộng các năng lực về điều hành dựa trên dữ liệu, phát triển hệ sinh thái dữ liệu công, tối ưu	Chính quyền thông minh dựa trên số hóa toàn diện

Hạng mục	Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2025-2030
	văn phòng số, báo cáo tích hợp và dữ liệu mở.	hóa hoạt động cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu và ứng dụng CNTT	
Kinh tế số	Đóng góp 8% GRDP dựa trên phát huy định danh điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử và thương mại điện tử trong các lĩnh vực Tài chính, Du lịch và kinh tế số trong công nghiệp và kinh tế số ngành	Đóng góp ít nhất 20% GRDP, phát triển khu công nghiệp, nhà máy số, nông nghiệp số, kinh tế cửa khẩu số, khai khoáng, chế biến chế tạo; công nghiệp ICT; du lịch thông minh, kinh tế tuần hoàn.	Đóng góp 30% GRDP, tăng tỷ trọng kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực
Xã hội số:	Xây dựng hạ tầng số; Triển khai điện toán đám mây, bản đồ số, phủ lôm di động, 4G/5G và băng thông rộng; số hóa và cung cấp dịch vụ số trong dịch vụ công, y tế, giáo dục, cung cấp dịch vụ tiện ích thông minh	Internet vạn vật, dữ liệu lớn, 5G. Đẩy mạnh ứng dụng số phục vụ người dân: an sinh xã hội số, giáo dục số, y tế số, du lịch, văn hóa số, dịch vụ đô thị thông minh	Hạ tầng số thông minh. Xã hội số nhân văn, an toàn

(Chi tiết danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 và các nhiệm vụ phải hoàn thành trong năm 2020 tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh và Ban Chuyển đổi số các sở, ngành, địa phương có vai trò chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Đề án, quyết định các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hàng năm. Định kỳ kiểm tra, rà soát các kết quả và nội dung nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số, đối chiếu với các chỉ tiêu chuyển đổi số của Trung ương và tình hình thực tiễn triển khai để cập nhật cho phù hợp.

- Xây dựng và triển khai cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp

công nghệ và con người để bảo đảm thực thi hiệu quả mục tiêu chuyển đổi số.

- Xây dựng, triển khai cơ chế tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai các nội dung, hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước nhằm tổng kết, đánh giá kết quả và kinh nghiệm thực tiễn, hiệu quả, khó khăn, vướng mắc khi triển khai chuyển đổi số, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp để đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền có các điều chỉnh, chỉ đạo điều hành phù hợp với thực tế theo từng giai đoạn...

- Thường xuyên đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trong phạm vi địa phương mình. Trường hợp cần thiết có sự thay đổi thuộc thẩm quyền của các địa phương, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ, 05 năm; đồng thời, có chỉ đạo phù hợp theo từng thời kỳ.

- UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh tổ chức họp đánh giá, kiểm điểm tiến độ thực hiện Kế hoạch đột xuất hoặc định kỳ hàng quý.

- Hằng năm tổ chức đánh giá, dự báo quá trình chuyển đổi số của tỉnh, kịp thời điều chỉnh theo sự phát triển của quốc gia, khu vực và tình hình thực tế của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu về triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ hàng tháng (trước ngày 25 hàng tháng) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh; trước ngày 15/12 hàng năm, tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện.

- Đầu mối, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị định kỳ hàng quý tổ chức đánh giá, chấm điểm Bộ Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp sở, ngành, địa phương, báo cáo tại cuộc họp giao ban hàng quý Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

- Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Đề án do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đầu mối phối hợp với Hội đồng chuyên gia tư vấn Chuyển đổi số tại tỉnh Quảng Ninh.

- Đầu mối phối hợp với Bộ, ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số toàn quốc; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia để thu nhận, chia sẻ các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Đầu mối triển khai phối hợp, hợp tác với Tập đoàn, công ty, địa phương, các tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực, kinh nghiệm trong triển khai chuyển đổi số.

- Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Đề án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Đề án của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (đối với vốn thường xuyên) tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định để chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh bền vững.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, địa phương thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp và các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số.

- Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu chuyển đổi số. Kết nối và phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, cao đẳng, các trường học, doanh nghiệp có quy mô lớn, chuyên sâu về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh trong tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, giải pháp về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số.

5. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các trường hợp điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng, kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình; chủ trì, phối hợp với IPA và các đơn vị liên quan đưa chỉ số chuyển đổi số trở thành chỉ số nòng cốt trong các bộ chỉ số của tỉnh và các sở, ngành, địa phương (PCI, DDCI, PAPI, SIPAS, Par Index).

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì tham mưu xây dựng các quy định, quy chế để cán bộ công chức, viên chức bắt buộc sử dụng các nền tảng số, các công cụ số để xử lý công việc, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số, từng bước hình thành và duy trì thói quen số cùng với các quy tắc ứng xử trên môi trường số, tạo thành văn hóa số trước hết trong hệ thống chính trị, lan tỏa ra cộng đồng xã hội.

6. Công an tỉnh

- Là đơn vị đầu mối, tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai của UBND tỉnh và đơn đốc, giám sát các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Kế hoạch cụ thể của UBND tỉnh.

- Chủ trì, tham mưu Tiểu ban An toàn an ninh mạng tỉnh chỉ đạo, đơn đốc các Sở, ngành, đơn vị thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và quy định pháp luật.

7. Đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp & PTNT, Cửa khẩu, Đất đai, Cán bộ công chức viên chức, quy hoạch, đầu tư công...)

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số chi tiết đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ ưu tiên chuyển đổi số và xây dựng các cơ sở dữ liệu đã được giao trong Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trong Kế hoạch.

- Triển khai chuyển đổi số bám sát các định hướng, chỉ đạo, các chương trình, đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành trung ương, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Ưu tiên dành nguồn lực và huy động nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thiết thực.

8. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh

- Trên cơ sở Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh, khẩn trương thành lập Ban Chuyển đổi số các sở, ban, ngành tỉnh và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã do người đứng đầu chính quyền làm trưởng ban, có sự tham gia của các tổ chức đoàn thể; hoàn thành trước ngày 15/3/2022;

- Căn cứ nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình chuyển đổi số của các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị, địa phương bám sát việc thực hiện và đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó yêu cầu xác định rõ nội dung, lộ trình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ gắn với trách nhiệm từng đơn vị đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể, thường xuyên có tính định kỳ để vừa kiểm đếm, vừa đơn đốc kịp thời; thời gian hoàn thành trong tháng 3/2022.

- Người đứng đầu cấp ủy các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn phụ trách.

- Các sở, ban, ngành và UBND các cấp có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá hiện trạng, nhu cầu và định hướng phát triển của cơ quan đơn vị, bám sát Đề án Chuyển đổi số của tỉnh và đảm bảo nội dung, nhiệm

vụ của Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ, ngành chủ quản trình UBND tỉnh phê duyệt, triển khai.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ, khai thác, sử dụng chung.

- Các sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát đánh giá và đề xuất cập nhật sửa đổi danh mục nhiệm vụ/dự án hàng năm theo tình hình, nhu cầu thực tiễn; bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

- Chủ động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo hướng dẫn của Sở Thông tin truyền thông, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra. Chủ động tuyên truyền về chuyển đổi số trên các nền tảng truyền thông, mạng xã hội, hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương.

9. Trung tâm Truyền thông tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh, các cơ quan báo chí có hợp tác truyền thông với tỉnh

- Xây dựng mô hình truyền thông số hướng đến người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Ninh. Truyền thông đồng bộ, toàn diện bằng nhiều hình thức trên các hạ tầng, ấn phẩm để nâng cao nhận thức cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về chương trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh, vai trò của chuyển đổi số tạo sự ủng hộ tham gia của nhân dân trong tỉnh để triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn tỉnh.

- Xây dựng các tờ rơi, ma kết, clip tuyên truyền và các hình thức khác nhau bảo đảm phong phú, giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ hiểu, dễ tiếp cận và tạo hứng thú khi tham gia sử dụng các nền tảng, hạ tầng công nghệ chuyển đổi số.

- Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

10. Tỉnh Đoàn Quảng Ninh

- Thành lập Tổ công nghệ cộng đồng tại các khu phố, các thôn bản. Chỉ đạo Đoàn Thanh niên các cấp triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của chuyển đổi số; đồng thời hướng dẫn sử dụng các tiện ích, chức năng các ứng dụng cụ thể.

- Đoàn Thanh Niên phải trở thành lực lượng nòng cốt, tiên phong trong sử dụng dịch vụ số và hướng dẫn người dân kỹ năng số, văn hóa số...

- Tổ chức các cuộc thi về chuyển đổi số trong đoàn viên, thanh niên.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan tổ chức các chiến dịch truyền thông, hội nghị, tọa đàm, chương trình tập huấn về chuyển đổi số cho các đối tượng phù hợp với điều kiện thực tế.

11. Các tổ chức xã hội, đoàn thể, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, đào tạo, tư vấn, hỗ

trợ triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh.

- Tổ chức các hội thảo, diễn đàn, đối thoại về chuyển đổi số; tham gia góp ý, phản biện cho các chương trình, kế hoạch, chính sách của tỉnh về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

- Tổ chức triển khai phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kết nối, hợp tác giữa các doanh nghiệp công nghệ số với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành nghề khác, hỗ trợ thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh.

12. Trường Đại học Hạ Long và các trường đại học, cao đẳng, trung học, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh

- Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông... chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; Đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo của mình.

- Triển khai hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trên môi trường số.

- Đưa công nghệ thông tin, chuyển đổi số trở thành một trong những chuyên ngành đào tạo chủ lực để tạo sức hút tuyển sinh trong khu vực, từ đó, cung cấp nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho tỉnh.

13. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh và cộng đồng xã hội

- Các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, áp dụng sản xuất thông minh thông qua việc tái cấu trúc doanh nghiệp, tái đánh giá chuỗi giá trị, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số. Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh phải khẳng định vai trò dẫn dắt các doanh nghiệp khác chuyển đổi số.

- Các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước chủ động đi đầu, làm nòng cốt trong áp dụng và thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và năng lực sản xuất kinh doanh.

- Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Các doanh nghiệp viễn thông (Viettel Quảng Ninh, VNPT Quảng Ninh, Mobifone Quảng Ninh), Bưu điện tỉnh: Triển khai phủ lôm sóng thông tin di động và cáp quang băng rộng trên địa bàn tỉnh; Triển khai các nền tảng, giải pháp số phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Hoàn thành việc triển khai mã địa chỉ bưu chính gắn với bản đồ số (địa chỉ số) Vpostcode; Triển khai nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử.

14. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp, Viễn thông Viettel và Công ty Cổ phần FPT

- Cung cấp danh sách giải pháp, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số của Tập đoàn, Công ty để các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân ứng dụng, triển khai chuyển đổi số.

- Phối hợp, hỗ trợ tổ chức các khóa/lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo các đơn vị, địa phương; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, chuyển đổi số cho cán bộ nòng cốt về chuyển đổi số của tỉnh.

- Hỗ trợ, cử các chuyên gia tham gia các hội đồng thẩm định, phản biện các chương trình, dự án, đề án về công nghệ thông tin, thành phố thông minh, chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ninh.

- Tạo điều kiện để sinh viên chuyên ngành điện tử viễn thông, công nghệ thông tin tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được thực tập, thực hành tại các Tập đoàn, Công ty.

- Căn cứ Kế hoạch Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, nhu cầu của các đơn vị, địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ phối hợp theo Thỏa thuận hợp tác; chủ động liên hệ, giới thiệu giải pháp, nền tảng số tới các sở, ban, ngành, địa phương; giới thiệu, tư vấn các dịch vụ, sản phẩm, giải pháp, nền tảng số hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chuyển đổi số.

15. Đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; vận động người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số; thực hiện chức năng giám sát, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Số hóa trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành, đảm bảo khai thác 100% các chức năng, tính năng của Hệ thống đảm bảo liên thông dữ liệu giữa các cơ quan trong Hệ thống và với khối Chính quyền (trừ văn bản mật, nội bộ theo quy định).

- Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, đảm bảo 100% cán bộ, lãnh đạo phải sử dụng chữ ký số trong công việc, ký số 100% văn bản điện tử (trừ văn bản mật).

- Triển khai sổ tay đảng viên điện tử.

- Tỉnh Đoàn Quảng Ninh xây dựng và triển khai Đề án tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số từ cấp tỉnh đến cấp xã, trong đó tập trung thành lập Tổ công nghệ cộng đồng tại các khu phố, các thôn bản; chỉ đạo Đoàn Thanh niên các cấp triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, tổ chức các cuộc thi nâng cao nhận thức

cho đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của chuyển đổi số; đồng thời hướng dẫn sử dụng các tiện ích, chức năng các ứng dụng cụ thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng trong tổ chức thực hiện về nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các địa phương căn cứ Kế hoạch và các nhiệm vụ được giao phương nghiêm túc triển khai đạt hiệu quả; định kỳ hàng tháng (trước ngày 20 hàng tháng), tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty Điện lực Quảng Ninh (t/h);
- Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (t/h);
- Tổng công ty Đông Bắc (t/h);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- V0-3, các CVNCTH, TTTT-VP;
- Lưu: VT, XD6.

N.05-KH.003.1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn



PHỤ LỤC I

CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÂN CÔNG CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

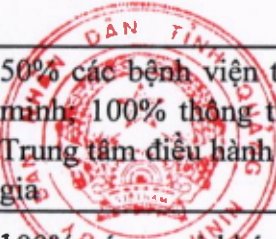
(Kèm theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Về phát triển Chính quyền số			
1	100% các thủ tục hành chính ban hành mới đủ điều kiện cung ứng đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT	Thường xuyên
2	100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở, được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số	Các sở, ngành, địa phương		2022-2024
3	100% công việc ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã phải được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ). 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số	Các sở, ngành, địa phương		2022-2025
4	100% cơ quan khối Đảng liên thông các quy trình, dữ liệu, hồ sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã	Các cơ quan khối đảng, đoàn thể		2022-2024
5	100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến xã có hạ tầng để triển khai họp trực tuyến; từ năm 2022 trở đi, phần đầu trên 50% cuộc họp giữa tỉnh với huyện, giữa tỉnh với các sở, ngành; giữa huyện với xã được thực hiện theo hình thức trực tuyến	Sở TTTT	Các cơ quan khối đảng, đoàn thể; Các sở, ngành, địa phương	2022-2023
6	Đảm bảo hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT) phục vụ triển khai mô hình đô thị thông minh tại tất cả các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	UBND các địa phương	Sở TTTT	2022-2025
7	Hết năm 2022, 100% người đứng đầu, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương (tỉnh, huyện, xã) được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn có nhận thức và có kỹ năng về chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định. Đào tạo 100 cán bộ nòng cốt về chuyển đổi số của tỉnh	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	2022
8	100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước định kỳ hằng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT, Sở Nội vụ, Trường ĐHHL, Trường ĐT CB NVC	Thường xuyên

9	Từ năm 2022, triển khai thực hiện việc xác thực định danh điện tử công dân qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính các cấp; đối với doanh nghiệp xác thực định danh điện tử qua cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phần đầu đến năm 2024, 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử/chính quyền số được xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp từ tỉnh đến xã và liên thông với trung ương	Công an tỉnh, Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024
10	Phần đầu hết năm 2023: (1) Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công còn hiệu lực ở cả 3 cấp. (2) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ, họp trực tuyến, văn bản, báo cáo, ký số của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ngành, địa phương của tỉnh được thực hiện trên nền tảng số, đảm bảo tính liên thông, thống nhất, tổng thể. (3) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử/chính quyền số			
11	Phần đầu hết năm 2023 hoàn thành 08 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng của tỉnh gồm: Đất đai; cán bộ, công chức, viên chức; y tế; giáo dục; quy hoạch; du lịch; đầu tư công; giao thông. Các cơ sở dữ liệu nền tảng khác và chuyên ngành (gồm: Tài nguyên, môi trường; công nghiệp - năng lượng; tài chính; văn hóa; xây dựng; xúc tiến đầu tư; tư pháp....), hạ tầng dữ liệu không gian cấp tỉnh hoàn thành trong năm 2024	Các sở, ngành	Sở TTTT, các địa phương	2022-2023
12	Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT	2022-2024
13	Đến năm 2025, tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025

14	Đảm bảo việc kết nối 100% cơ sở dữ liệu quốc gia (Dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm...) ngay sau khi được công bố để khai thác, sử dụng hiệu quả trên địa bàn tỉnh	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
15	Đảm bảo an toàn thông tin mạng: (1) 100% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp và chính quyền tại các Trung tâm HCC được xác thực qua chữ ký số; (2) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hệ thống, ứng dụng trên điện toán đám mây và đảm bảo an toàn thông tin mạng; (3) Vận hành và phát huy hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ninh (SOC)	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
II	Về phát triển kinh tế số			
1	Kinh tế số chiếm ít nhất 20% GRDP của tỉnh	Sở KHĐT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp từ 47-50% kinh tế số; công nghiệp khai khoáng 30%	Các sở, ngành, địa phương	Sở KHĐT, Cục Thống kê tỉnh	2022-2025
3	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 11%/năm	Sở KHĐT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
4	100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu (nhận thức, nhân lực, hạ tầng, nền tảng, ứng dụng, dữ liệu...) chuyển đổi số; 100% tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sử dụng hóa đơn điện tử. Phần đầu toàn tỉnh quy tụ được 50 doanh nghiệp số, trong đó có ít nhất 03 doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển các sản phẩm, dịch vụ số	Sở TTTT, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
5	Tối thiểu 50% doanh nghiệp trong các khu công nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh, 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành	BQL KKT Quảng Ninh, BQL KKT Vân Đồn	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
6	100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp được tiếp cận và có năng lực sử dụng nền tảng số make in Viet Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025

7	Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung “Ha Long ICT Park” tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu (Thành phố Hạ Long) trở thành “Cảng dữ liệu” và Trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực phía Bắc	Sở TTTT	Các sở, ngành liên quan, UBND TP Hạ Long	2022-2025
III Về phát triển xã hội số				
1	Dịch vụ Internet băng rộng được cung cấp đến 100% hộ gia đình, trong đó hạ tầng mạng cáp quang đến hộ gia đình đạt 95%	Sở TTTT	Các doanh nghiệp viễn thông, các địa phương	2022-2023
2	Phấn đấu 100% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh; 100% người dân có định danh điện tử và mỗi gia đình đều có địa chỉ số; người dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến thông tin cơ bản, đầy đủ về chuyển đổi số và có kỹ năng số	Các địa phương	Sở TTTT, các sở, ngành liên quan, Trung tâm truyền thông tỉnh, các doanh nghiệp	2022-2024
3	80% người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu	Sở LĐ, TBXH	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024
4	Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. 100% công dân khi thực hiện thủ tục hành chính không phải xuất trình hồ sơ chứng minh thông tin của bản thân, không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư khi đã có trong CSDL quốc gia về dân cư	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT, Công an tỉnh	2022-2024
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về sử dụng dịch vụ công đạt 98%. Người dân được cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử trên điện thoại di động khi thực hiện thủ tục hành chính	Trung tâm PVHCC tỉnh, TTHCC địa phương, Bộ phận TN&TKQHĐ cấp xã	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
6	100% các trường học trên địa bàn tỉnh (từ các cấp học phổ thông đến đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh) có nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo; 60% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số. 100% học sinh các cấp có hồ sơ, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử; triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp dựa trên dữ liệu số	Sở GD-ĐT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024
7	100% người dân được chăm sóc sức khỏe trên nền tảng y tế số và có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024



8	50% các bệnh viện triển khai hệ thống thông tin điều hành bệnh viện thông minh; 100% thông tin y tế được chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Trung tâm điều hành thông minh của Tỉnh Quảng Ninh, của Sở Y tế, của Quốc gia	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
9	100% các cơ sở khám chữa bệnh chuyển đổi số thành công , triển khai hồ sơ bệnh án điện tử không sử dụng bệnh án giấy , thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TTBYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 95%	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	2022-2025



PHỤ LỤC II
ĐANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	CCCS	XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH			
1	HĐ1	Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng Ban; thành lập Ban Chuyển đổi số các sở, ban, ngành tỉnh; Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số các địa phương do người đứng đầu chính quyền làm trưởng Ban, có sự tham gia của các đoàn thể	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2022
2	HĐ2	Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông (tham mưu)	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	3/2022
3	HĐ3	Các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, đoàn thể xây dựng, triển khai kế hoạch/chương trình chuyển đổi số toàn diện của đơn vị, địa phương.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	3/2022
4	HĐ4	Xây dựng và ban hành Đề án thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh tại phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Xây dựng; Sở TNMT; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND TP Hạ Long	2022-2023
5	HĐ5	Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển công nghiệp ICT trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Công Thương, BQL KKT; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	2022-2023
6	HĐ6	Xây dựng và ban hành quy định của tỉnh về phát triển dữ liệu, dữ liệu mở, thu thập, cung cấp, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và mở dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023

7	HĐ7	Xây dựng cơ chế chính sách riêng cho Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh; cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023
8	HĐ8	Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút và phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh theo Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có các chính sách: (1) Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp (tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số); (2) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực về chuyển đổi số; Tuyên truyền, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế số; Lựa chọn 50 doanh nghiệp thực hiện thí điểm chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh; Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
9	HĐ9	Xây dựng và ban hành quy định về an toàn thông tin mạng, quy định về quản trị, giám sát và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	2022-2023
10	HĐ10	Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nghệ thông tin công tác tại các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị xã hội tỉnh Quảng Ninh.	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
11	HĐ11	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
12	HĐ12	Điều chỉnh hoàn thiện quy định cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn diện đảm bảo các điều kiện pháp lý cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia cũng như các chế tài đủ mạnh để vận hành trong hệ thống cơ quan nhà nước	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023

13	HD13	Xây dựng quy định về thống kê phù hợp với môi trường số; đưa nội dung thống kê chuyển đổi số vào thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh	Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	Từ 2022
14	HD14	Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số của các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố; các xã phường, thị trấn và triển khai phần mềm đánh giá, chấm điểm chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, đồng bộ với hệ thống của Bộ TTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022
15	HD15	Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính và chuyển đổi số. Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; đưa các tiêu chí chuyển đổi số thành chỉ số thành phần trong Bộ chỉ số cải cách hành chính và các chỉ số có liên quan hằng năm	Sở Nội vụ, IPA, Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm PV HCC	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	2022-2023
B	NTS	PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ			
I	NTS1	Phát triển hạ tầng số dùng chung			
1	NTS1.1	Phát triển Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh			
1.1	HD1	Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ chuyển đổi số của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
1.2	HD2	Chuyển đổi chức năng của Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện có trở thành Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
1.3	HD3	Xây dựng tòa nhà IDC để phát triển khai Trung tâm tích hợp dữ liệu, trung tâm dự phòng, kho dữ liệu, kho tài nguyên số, trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh (SOC)...	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành liên quan; UBND thành phố Hạ Long	2022-2024
2	NTS1.2	Phát triển hạ tầng mạng băng rộng			

2.1	HĐ1	Phát triển internet công cộng để cung cấp, triển khai các sản phẩm số, dịch vụ số tại các đô thị và khu kinh tế trọng điểm được lựa chọn phát triển theo hướng cung cấp dịch vụ đô thị thông minh đối với 4 thành phố và 2 thị xã (Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái, Vân Đồn, Quảng Yên) giai đoạn 2021-2025 và định hướng triển khai toàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	UBND các địa phương: Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái và BQL khu kinh tế Vân Đồn, Quảng Yên	Sở Thông tin và Truyền thông; Các doanh nghiệp viễn thông; Các doanh nghiệp đầu tư các khu đô thị, khu kinh tế	2022-2025
2.2	HĐ2	- Đối với 117 thôn, bản (tại các xã miền núi, vùng cao, hải đảo) trên địa bàn tỉnh chưa có hạ tầng băng thông rộng cố định, đến năm 2023 đảm bảo có hạ tầng cáp quang để thiết lập mạng Internet băng rộng cố định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;	2022-2023
		- Nâng cấp, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao, trong đó, ưu tiên triển khai trước tại 04 thành phố (Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí), Khu Kinh tế ven biển Quảng Yên, Khu kinh tế Vân Đồn và các Khu Công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung và các trụ sở cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2.3	HĐ3	Hỗ trợ mặt bằng xây dựng trạm BTS công ích để thiết lập mạng truy cập băng rộng di động tại các thôn, bản, đặc biệt khó khăn chưa có mạng truy cập băng rộng di động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên Môi trường; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn; Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023
3	NTS1.3	Phát triển hạ tầng mạng IoT dùng chung toàn tỉnh			
3.1	HĐ1	Xây dựng, mở rộng mạng lưới các thiết bị/loại cảm biến thu thập dữ liệu IoT theo các ngành, lĩnh vực và dịch vụ đô thị thông minh bảo đảm hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, không trùng lặp. Ưu tiên các ngành/lĩnh vực: Du lịch, tàu thuyền, giao thông, môi trường, nông nghiệp, chiếu sáng, ANTT...	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025
3.2	HĐ2	Phát triển, hoàn thiện và mở rộng hạ tầng chiếu sáng công cộng trên nền GIS có điều khiển đảm bảo có khả năng tích hợp thiết bị cảm biến tạo hạ tầng cho triển khai IoT phục vụ các lĩnh vực như môi trường, giao thông, an ninh trật tự...	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Điện lực Quảng Ninh	2023-2025
II	NTS2	Phát triển kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh			



1		Xây dựng, triển khai Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh đảm bảo cho phép thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa, làm sạch và phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn dữ liệu của tỉnh và ngoài tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Từ 2022
2	HĐ2	Xây dựng Cổng dữ liệu mở, tạo lập và cung cấp/công bố dữ liệu mở của tỉnh qua Cổng dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước, công dân, doanh nghiệp có thể truy cập, khai thác, sử dụng khi cần thiết theo quyền hạn (ưu tiên Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý các sáng kiến, đề tài, nhiệm vụ khoa học; Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ; Cơ sở dữ liệu chuyên gia, các nhà khoa học...); định hướng cung cấp cho người dân và doanh nghiệp kịp thời theo phương thức một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu đến Cổng dữ liệu mở quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Từ 2022
III	NTS3	Xây dựng, triển khai nền tảng số dùng chung			
1	HĐ1	Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
2	HĐ2	Tham mưu triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
4	HĐ4	Triển khai nền tảng số hóa đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh để phục vụ lưu trữ, quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả trên môi trường số làm cơ sở thiết lập hồ dữ liệu/kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; trong đó, cho phép doanh nghiệp, người dân tham gia số hóa dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh	2022-2023

5	HĐ5	Triển khai các nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025
IV	NTS4	Bảo đảm quốc phòng - an ninh và an toàn, an ninh mạng			
1	HĐ1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá và xác định cấp độ an toàn thông tin và xây dựng bổ sung và thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh đảm bảo định kỳ theo quy định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
2	HĐ2	Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng (Security Operation Center - SOC)	Ban QLDA đầu tư các công trình dân dụng và công nghiệp; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
3	HĐ3	Xây dựng, triển khai các hệ thống phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, phát hiện vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời xử lý.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
4	HĐ4	Phát triển, triển khai các ứng dụng số (lĩnh vực quản lý hành chính, quản lý xuất nhập cảnh, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ...) đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
5	HĐ5	Phổ cập danh tính số toàn dân khi Trung ương triển khai. Người dân có thể dễ dàng chứng minh danh tính thật trên môi trường số, sử dụng các dịch vụ số một cách trọn vẹn, không cần hiện diện trực tiếp.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
6	HĐ6	Phát triển các ứng dụng số phục vụ công tác quản lý theo chức năng nhiệm vụ của lực lượng Biên phòng tỉnh (Số hóa dữ liệu hệ thống mốc quốc giới, hệ thống Camera an ninh tích hợp trí tuệ nhân tạo AI, số hóa trong công tác nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành...).	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2024



7	HD7	Định kỳ đánh giá an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh; diễn tập ứng cứu sự cố gây mất ATTT; Hoàn thành việc tích hợp chữ ký số trên cổng dịch vụ công của tỉnh để tăng mức độ xác thực khi giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Phổ cập	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố - UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
V	NTS5	Phát triển nguồn nhân lực (Chính quyền, doanh nghiệp, người dân)			
1	HD1	Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu; lãnh đạo chuyên trách về CNTT (CIO); cán bộ chuyên trách CNTT (IT) tại các cơ quan nhà nước và đội ngũ làm công tác truyền thông; đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực quản trị cho cán bộ vận hành IDC của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông/	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	HD2	Xây dựng, tổ chức khóa đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị toàn tỉnh, trong đó 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.	Sở Nội vụ, Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ, ĐH Hạ Long	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3	HD3	Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phần đầu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Hạ Long, Trường, Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh, Sở TTTT và các cơ sở giáo dục...	2022-2023
4	HD4	Xây dựng tổ chức các khoá đào tạo để nâng cao nhận thức và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp	Hàng năm
5	HD5	Tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân trên các nền tảng truyền thông của tỉnh	Trung tâm truyền thông tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
6	HD6	Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, trong đó chú trọng nguồn nhân lực CNTT-TT chất lượng cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

7	HĐ7	Cập nhật và đổi mới giáo trình, chương trình đào tạo công nghệ số phù hợp với xu hướng CMCN 4.0; chú trọng gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing). Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số của tỉnh, trong đó tập trung đẩy mạnh chuyên ngành đào tạo về CNTT; phối hợp với các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo chuỗi liên kết lao động sau đào tạo.	Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh...	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025
8	HĐ8	Tổ chức cuộc thi về chuyển đổi số; thực hiện chuyển đổi số đối với toàn bộ các hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học, kỹ thuật của tỉnh; là một trong những đầu mối của tỉnh tập hợp đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học, trí thức trẻ về chuyển đổi số.	Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
9	HĐ9	Lựa chọn và đào tạo 100 cán bộ nòng cốt chuyển đổi số trong các cơ quan của Ban Đảng, các sở, ban, ngành và khối mặt trận tổ quốc, đoàn thể, địa phương để làm hạt nhân dẫn dắt, triển khai quá trình chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
10	HĐ10	Tuyên truyền Khung kỹ năng số quốc gia và hướng dẫn sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số (MOOC) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
C	CQS	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ			
I	CQS1	Phát triển hạ tầng Chính quyền số			
1	HĐ1	Phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng diện rộng (WAN), mạng Internet của các cơ quan nhà nước, bảo đảm vận hành ổn định, hiệu quả, có tính dự phòng và sẵn sàng cao không bị gián đoạn kết nối và được kiểm soát đến từng nút mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024

2		Chuyển đổi Ipv6 trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ninh, tập trung chuyển đổi mạng lõi của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và hệ thống Chính quyền điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2024
3	HD3	Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã và đảm bảo các trang thiết bị đầu cuối (máy tính, máy in...) hoạt động ổn định.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023
4	HD4	Duy trì, nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trên cơ sở bảo đảm cho phép sử dụng trên môi trường web, có khả năng kết nối với hệ thống họp không giấy tờ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
5	HD5	Đảm bảo cơ sở vật chất cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Hàng năm
II	CQS2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp			
1	HD1	Nâng cấp hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng các quy định, yêu cầu về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
2	HD2	Phát triển, triển khai ứng dụng phục vụ cho công dân số để cung cấp các tiện ích, dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân trên nền tảng thiết bị di động thông minh, tăng cường tương tác giữa người dân - doanh nghiệp - chính quyền, hướng tới xây dựng công dân số (thông tin từ chính quyền, quản lý thông tin cá nhân, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, trợ giúp y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, đỗ xe, phản ánh hiện trường, việc làm số, an ninh trật tự, trợ lý ảo, thư viện,...)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023

3	HĐ3	Xây dựng quy trình kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trong đó đảm bảo đạt 50% hoạt động được thực hiện thông qua môi trường số	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
4	HĐ4	Hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC (nâng cấp đường truyền, bổ sung các thiết bị ngoại vi, thiết bị quét mã vạch tích hợp với hệ thống phần mềm một cửa điện tử...; thí điểm công nghệ AI để xây dựng, triển khai ứng dụng Trợ lý ảo hỗ trợ công dân, doanh nghiệp khi tham gia đăng ký thực hiện các dịch vụ công trực tuyến).	Trung tâm PV HCC tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
III	CQS3	Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh			
1	HĐ1	Phát triển, bổ sung hệ thống quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp của các cơ quan khối đảng, chính quyền đảm bảo chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử tại các cơ quan nhà nước của tỉnh theo các quy định mới được ban hành, theo chu kỳ công nghệ.	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
2	HĐ2	Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo để bảo đảm 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội, báo cáo ngành, lĩnh vực từ cấp xã đến cấp tỉnh phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung khối Đảng - chính quyền - tổ chức đoàn thể theo hướng không dùng báo cáo giấy, giảm bớt yêu cầu cấp dưới báo cáo cấp trên, tăng cường sử dụng số liệu theo thời gian thực.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023
3	HĐ3	Xây dựng và triển khai hệ thống hợp không giấy tờ trong toàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022



4		Chuyển đổi số hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư giúp cho nhà đầu tư, doanh nghiệp (tìm hiểu thông tin, tiến hành các quy trình, triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư,...) được thực hiện trên nền tảng số. Tham mưu bổ sung chỉ tiêu, yêu cầu về tỷ lệ đóng góp cho kinh tế số trong quá trình thẩm định các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh (IPA)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
5	HĐ5	Phát triển, triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành/ứng dụng số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, chuyên môn nghiệp vụ riêng của từng, ngành, lĩnh vực theo yêu cầu quản lý, thực hiện các mục tiêu của Đề án	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2022-2024
6	HĐ6	Triển khai thí điểm Trợ lý ảo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp cho các cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN sử dụng các công nghệ của CMCN 4.0.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện và 1 số sở (TTTT, KHCHN, KHĐT)		2022-2023
7	HĐ7	Hoàn thành việc triển khai ISO điện tử trong phạm vi toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2022
8	HĐ8	Hoàn thành triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa tỉnh Quảng Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2022-2023
9	HĐ9	Xây dựng hệ thống quản lý thông minh trong ngành Xây dựng Quảng Ninh, tạo lập CSDL ngành Xây dựng để: Quản lý quy hoạch; quản lý các hoạt động cấp phép xây dựng; quản lý đô thị; quản lý tài sản công: Công ngầm, bất động sản trên bề mặt, cây xanh, biển báo; về tài sản gắn liền trên đất, dưới ngầm, trên cao và các dữ liệu khác về xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2024-2025
10	HĐ10	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dữ liệu về vi bằng	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, địa phương	2024-2025
IV	CQS4	Số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể và các cấp chính quyền			

1	HĐ1	Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực; sử dụng ít nhất 10 loại dữ liệu số chuyên ngành (Dân cư, Doanh nghiệp, Đất đai, Giao thông, Xây dựng, Tài nguyên môi trường, Tư pháp, Thuế...) để thay thế thành phần hồ sơ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023
2	HĐ2	Số hóa toàn bộ các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể từ năm 2010 trở lại đây	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022-2023
3	HĐ3	Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, VBQPPL, Tài chính, Bảo hiểm, HTTT Đăng ký và quản lý Hộ tịch, Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Nền tảng tiêm chủng COVID-19, Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, HTTT quản lý danh mục điện tử dùng chung, Liên thông tài nguyên môi trường - Thuế, Hệ thống phục vụ dịch vụ công của VNPost, Hệ thống mã bưu chính (VPostcode)	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
4	HĐ4	Tiếp tục hoàn thiện dữ liệu dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm 100% dữ liệu công dân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, được cấp số định danh cá nhân và được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong độ tuổi.	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
5	HĐ5	Hoàn thành, kết nối đưa vào sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh; triển khai nền tảng số quốc gia về bản đồ số tích hợp với nền tảng địa chỉ số	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022-2023
6	HĐ6	Hoàn thành việc xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính quyền số	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022



7	HĐ7	Hoàn thành việc xây dựng và triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng tỉnh Quảng Ninh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của ngành; Thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử từ các Sổ hộ tịch cũ tại địa phương nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của tỉnh Quảng Ninh và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử quốc gia	Sở Tư pháp	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, UBND cấp huyện và cấp xã	2022-2023
8	HĐ8	Triển khai nâng cấp phần mềm số hóa và lưu trữ điện tử	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022
9	HĐ9	Xây dựng CSDL chuyên ngành của tỉnh, ưu tiên các ngành trọng tâm ưu tiên chuyển đổi số hoàn thành trước năm 2025 (Y tế, Giáo dục, Du lịch, Đất đai, Giao thông, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên môi trường, Xúc tiến đầu tư, Xây dựng, Cán bộ công chức viên chức, Nông nghiệp, Tư pháp...). Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
10	HĐ10	Hoàn thành triển khai CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh; số hóa hồ sơ, tài liệu, bằng, học liệu...	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
11	HĐ11	Triển khai CSDL tập trung về quản lý thu chi ngân sách nhà nước; hệ thống báo cáo thống kê, báo cáo tài chính, ngân sách, công khai ngân sách; tổng hợp dự toán ngân sách, lương và cải cách tiền lương; CSDL thông tin thanh tra tài chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022-2025
12	HĐ12	Triển khai CSDL tập trung về quản lý tài sản công, giá tại địa phương, quyết toán dự án hoàn thành và số hóa hồ sơ, tài liệu trong quản lý điều hành	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022-2025
13	HĐ13	Triển khai số hóa hồ sơ bản vẽ quy hoạch xây dựng, thiết kế dự án công trình để thuận lợi trong công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ và cung cấp thông tin quy hoạch trên nền tảng số hóa của tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở ngành, địa phương	2022-2023
14	HĐ14	Xây dựng CSDL quản lý quy hoạch; quản lý đô thị; cấp phép xây dựng; nhà ở và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	Các sở ngành, địa phương	2022-2023
15	HĐ15	Xây dựng CSDL về định mức, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở ngành, địa phương	2022-2023
V	CQS5	Xây dựng đô thị thông minh			

1	HĐ1	Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
2	HĐ2	Xây dựng bốn đô thị thông minh: Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái; các khu kinh tế Vân Đồn, khu kinh tế ven biển Quảng Yên phát triển theo mô hình đô thị thông minh.	UBND 6 địa phương	Các sở, ban, ngành tỉnh	2022-2025
3	HĐ3	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn, thí điểm một (01) mô hình “chuyển đổi số” và hướng đến nhân rộng ra toàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2024
4	HĐ4	Triển khai thí điểm Trung tâm điều hành thành phố thông minh tại thành phố Cẩm Phả, thành phố Uông Bí	UBND TP Cẩm Phả, Uông Bí	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	2022
5	HĐ5	Xây dựng, thiết kế khung tiêu chí, chỉ tiêu đô thị thông minh của tỉnh, hướng dẫn xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Ban hành quy định yêu cầu các đô thị xây dựng quy hoạch thông minh trên cơ sở hệ thống thông tin địa lý GIS	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông, các địa phương	2022-2024
6	HĐ6	Hoàn thành triển khai các dự án thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh đang được giao làm Chủ đầu tư	Ban quản lý dự án đầu tư các Công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND TP Hạ Long	2022
D	KTS	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ			
I	KTS1	Phát triển kinh tế số trong công nghiệp			
1	HĐ1	Triển khai xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung tại phường Tuần Châu, TP. Hạ Long (Ha Long ICT Park) theo định hướng “Cảng dữ liệu” và trung tâm đổi mới sáng tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND thành phố Hạ Long	2022-2025
2	HĐ2	Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT.	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh + Vân Đồn	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố có KCN, KKT.	2022-2023



		Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số, công nghệ số trong sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp khai khoáng, chế biến chế tạo gồm cả giải pháp phần mềm thông minh và thiết bị IoT.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
II	KTS2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistic			
1	HĐ1	Phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng và giao thông thông minh trên nền tảng số và hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh của tỉnh (<i>thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020</i>), kết nối, tích hợp trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; số hóa hạ tầng giao thông, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về phương tiện, người điều khiển phương tiện giao thông đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
2	HĐ 2	Xây dựng bản đồ GIS về logistics, ứng dụng nền tảng và công nghệ số trong quản lý vận tải của các cảng, bến thủy nội địa, từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics, hình thành các trung tâm kho bãi chia chọn tự động dựa trên công nghệ số, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp vận tải	2023-2025
III	KTS3	Phát triển cửa khẩu số			
1	HĐ1	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối, chia sẻ qua trục liên thông, tích hợp dữ liệu của tỉnh; Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ toàn diện hoạt động nghiệp vụ của các lực lượng ("biên phòng điện tử", "hải quan số", chữ ký số, camera an ninh,...) tại cửa khẩu nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường tính minh bạch và giảm thời gian xử lý.	Hải quan, Biên Phòng, Công an, Thuế, các Ban Quản lý cửa khẩu	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý cửa khẩu	2022-2023

2	HĐ2	Nâng cấp, phát triển và hiện đại hóa các cửa khẩu gắn với xây dựng và tạo ra một nền tảng số ứng dụng thống nhất cho tất cả các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (Cửa khẩu số). Tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp có phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; áp dụng các công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây...	UBND cấp huyện có cửa khẩu/Cảng biển; Công an tỉnh; BCH BĐ Biên phòng tỉnh; Cục Hải quan tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Sở Công Thương; Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp liên quan	2022-2023
3	HĐ3	Phối hợp với doanh nghiệp triển khai/thúc đẩy ứng dụng công nghệ số để cải thiện chất lượng dịch vụ logistics theo các tiêu chuẩn quốc tế (<i>như Export/EDO/Logistics: Phân tích, xử lý dữ liệu để đánh giá khả năng của chuỗi cung ứng, cảnh báo/dự báo tác động theo điều kiện (như thời tiết xấu trong quá trình vận tải chuyển chở, sự cố chuyên chở...)</i>); đánh giá mức độ tiêu thụ năng lượng của phương tiện; Tự động hóa quy trình vận tải...); triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng...	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp liên quan	2022-2025
VI	KTS4	Chuyển đổi số trong Du lịch			
1	HĐ1	Triển khai các ứng dụng số phục vụ du lịch thông minh (Sàn giao dịch du lịch điện tử, Hệ thống thẻ du lịch thông minh, số hóa toàn bộ điểm đến, sản phẩm du lịch trên địa bàn; xây dựng bản đồ số du lịch, phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch trên thiết bị di động thông minh, thí điểm thực tế ảo trên cổng thông tin du lịch cho các khu di tích, điểm du lịch nổi tiếng; xây dựng app du lịch thông minh cho du khách...).	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp liên quan	2022-2024



2		Triển khai các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số phục vụ quản lý, điều hành trong lĩnh vực du lịch trên cơ sở kế thừa và phát huy hiệu quả dự án ứng công nghệ thông tin nâng cao hoạt động ngành du lịch Quảng Ninh thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020 (Trung tâm điều hành du lịch thông minh; phân tích, xử lý dữ liệu du lịch để báo cáo thống kê và chỉ đạo, điều hành...; quản lý, điều phối vận tải hành khách du lịch thông minh và tăng cường an toàn, an ninh du lịch...).	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
3	HĐ3	Xây dựng và triển khai Đề án Di sản số phục vụ công tác bảo tồn và phát huy bền vững giá trị Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	Sở Du lịch, Sở VHTT, Sở TNMT, Sở GTVT, UBND TP Hạ Long	2022-2025
4	HĐ4	Triển khai nền tảng số về quản trị và kinh doanh du lịch theo Quyết định số 381/QĐ-BTTTT ngày 28/02/2022 của Bộ TTTT; Số hóa dữ liệu ngành du lịch Quảng Ninh và cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số du lịch (các điểm du lịch, cơ sở dịch vụ, thị trường, khách du lịch, tua tuyến, sự kiện du lịch...) có sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông, các địa phương	2022-2024
5	HĐ5	Xây dựng hệ thống quản trị Vịnh Hạ Long theo mô hình kinh tế tuần hoàn, quản trị di sản bền vững phục vụ du lịch số và di sản số, trong đó tập trung vào xây dựng phát triển hệ thống du lịch thông minh tại vịnh Hạ Long	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở VHTTDL; UBND TP Hạ Long	2023-2025
6	HĐ6	Số hóa các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương	2022-2025
7	HĐ7	Triển khai bảo tàng số, thư viện số đối với Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương	2022-2023
V	KTS5	Phát triển kinh tế số trong Tài chính - Ngân hàng			

1	HĐ1	Triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hệ thống các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn; Các tổ chức đoàn thể	2022-2025
2	HĐ2	Triển khai mobile money	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
3	HĐ3	Triển khai hệ sinh thái tài chính số (Fintech) kết hợp các dịch vụ của chính quyền với các tổ chức tài chính ngân hàng, doanh nghiệp Fintech, quỹ đầu tư... để đẩy mạnh thanh toán điện tử, hợp đồng điện tử, thuế điện tử, hải quan điện tử đối với doanh nghiệp và người dân.	Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn; Các doanh nghiệp viễn thông; các cơ quan, tổ chức liên quan	2023-2025
4	HĐ4	Triển khai và thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số	Cục thuế tỉnh Quảng Ninh	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
VI	KTS6	Phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số			
1	HĐ1	Xây dựng Khu CNTT tập trung Tuần Châu trở thành “Cảng dữ liệu” và trung tâm đổi mới sáng tạo.	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành liên quan	2022-2025
2	HĐ2	Hợp tác R&D thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu STEM hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu để phát triển công nghệ mới và thử nghiệm tại Quảng Ninh	Sở Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Hạ Long	- Các sở ban ngành liên quan; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp trên địa bàn	2022-2025
3	HĐ3	Triển khai sáng kiến đẩy mạnh hợp tác ba bên giữa chính quyền - doanh nghiệp - trường đại học, viện nghiên cứu, nhằm hình thành các mô hình kinh tế, quản trị, kinh doanh, sản xuất, sản phẩm, dịch vụ mới ứng dụng công nghệ số.	Sở Khoa học công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	2022-2023



4	HĐ4	Kêu gọi thu hút đầu tư vào Khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh tại phường Tuần Châu (Hạ Long ICT Park); Thu hút các công ty công nghệ số chuyển địa điểm hoạt động về Quảng Ninh; thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ số; Tham mưu bổ sung chỉ tiêu, yêu cầu về tỷ lệ đóng góp cho kinh tế số trong quá trình thẩm định các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	IPA tỉnh Quảng Ninh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025
5	HĐ5	Xây dựng chương trình chuyển đổi số doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
6	HĐ6	Tổ chức Hội chợ công nghệ số Make in Viet Nam quy mô quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022-2025
7	HĐ7	Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến và cung cấp các bài giảng trực tuyến, tài khoản miễn phí cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa về năng lực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đến hết năm 2022 có 40% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được trải nghiệm miễn phí nền tảng số và đến hết năm 2025 đạt 90% doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các sở ban ngành liên quan; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp trên địa bàn	2022-2025
8	HĐ8	Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy phát triển kinh tế số	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2024
9	HĐ9	Tham mưu xây dựng, bổ sung cơ chế thu hút đầu tư, trong đó qui định rõ hàm lượng sử dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ của các dự án khi đầu tư tại các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh.	Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, Ban quản lý khu kinh tế Vân Đồn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư và Xã hội và các sở, ngành, địa phương có liên quan	2022
VII	KTS7	Chuyển đổi số trong nông nghiệp			
1	HĐ1	Xây dựng hệ thống dữ liệu của ngành nông nghiệp và PTNT, thực hiện số hóa trong từng lĩnh vực chuyên ngành: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi và phòng chống thiên tai, chế biến, quản lý chất lượng nông lâm sản thủy sản và kết nối với Cổng dữ liệu mở của tỉnh để cung cấp dữ liệu mở của ngành	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở sở, ngành, địa phương	2022-2025

2	HĐ2	Chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, CNTT, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP của tỉnh. Trong năm 2022 hoàn thành truy xuất nguồn gốc 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, liên minh HTX, các địa phương, các doanh nghiệp	2022-2024
3	HĐ3	Thí điểm mô hình sản xuất kết nối nông nghiệp thông minh, quản lý theo chuỗi, kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất; Ứng dụng IoT để hỗ trợ theo dõi, giám sát và hỗ trợ tự động hóa quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, các doanh nghiệp, các địa phương	2022-2023
4	HĐ4	Thí điểm mô hình làng thông minh trong sản xuất, làng thông minh về dịch vụ du lịch thông minh. Trong năm 2022 thí điểm mô hình Làng Thông minh (Làng chuyển đổi số gắn với Chương trình Mỗi xã phường một sản phẩm OCOP) tại khu vực Miền Tây, Miền Đông và hải đảo (Mỗi vùng 1 mô hình)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Du lịch, UBND TX Đông Triều	2022-2023
5	HĐ5	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cấp và quản lý mã số vùng trồng, vùng nuôi thủy sản và các trang trại lớn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022
6	HĐ5	Số hóa CSDL 3 loại rừng và quản lý tài nguyên rừng, diễn biến rừng tích hợp và bản đồ đất đai của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương	2022
7	HĐ5	Xây dựng CSDL về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022
8	HĐ5	Xây dựng CSDL địa lý quản lý nuôi tôm nước lợ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022

9	HD5	Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiên tai tích hợp thông số tại các trạm đo mưa tự động và hệ thống camera trực tuyến giám sát mực nước tại các điểm xung yếu phục vụ quản lý một số hồ đập thủy lợi, đề bao, lưu vực sông...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022-2023
10	HD5	Triển khai ứng dụng quản lý số đối với các Khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở TTTT, Các địa phương	2022-2023
11	HD5	Thí điểm mô hình Hợp tác xã chuyển đổi số gắn với sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý theo chuỗi, kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở TTTT, Các địa phương	2022
E	XHS	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ			
I	XHS1	Chuyển đổi số trong Y tế, chăm sóc sức khỏe			
1	HD1	Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế của tỉnh kết nối liên thông, đồng bộ với Bộ Y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	2022-2023
2	HD2	Nhân rộng mô hình bệnh viện thông minh trên cơ sở 3 bệnh viện thông minh đã được xây dựng và phát huy hiệu quả thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020. Phần đầu, mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trên môi trường số; mỗi cơ sở khám, chữa bệnh có giải pháp số phục vụ nhu cầu nhân dân. Các bệnh viện, trung tâm y tế đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Hoàn thành triển khai hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	2022-2024
3	HD3	Xây dựng, phát triển hệ sinh thái các ứng dụng số trong y tế tích hợp trên ứng dụng công dân số để cung cấp thông tin về khám, chữa bệnh phục vụ người dân và du khách	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	2023

4	HĐ4	Triển khai phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân. Mục tiêu đạt 100% người dân tỉnh Quảng Ninh có Hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy. Tích hợp các hệ thống y tế với nền tảng tiêm chủng COVID-19	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
II	XHS2	Chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo			
1	HĐ1	Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các cơ sở đào tạo	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
2	HĐ2	Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống các phòng học/trường học thông minh trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư giai đoạn 2017-2020 thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh và hệ thống của Bộ Giáo dục - Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở đào tạo	2023
3	HĐ3	Phát triển, triển khai hệ sinh thái các ứng dụng số, nền tảng dạy học trực tuyến để cung cấp các dịch vụ số cho người dân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các cơ sở đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở đào tạo	2022-2025
4	HĐ4	Nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo của Trường Đại học Hạ Long từ chuyển đổi số	Đại học Hạ Long		2022-2023
5	HĐ5	Nâng cao kỹ năng số, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp; đặc biệt là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa.	Sở Lao động, Thương binh và	Các khu công nghiệp	2022-2025



		Triển khai đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho người lao động ít nhất 1 giờ/1 tuần tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Xã hội		
6	HĐ6	Triển khai hoạt động đào tạo và các hoạt động huấn luyện về tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lan tỏa rộng khắp từ học sinh, sinh viên đến các doanh nghiệp.	Trường Đại học Hạ Long, Tỉnh Đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở KHCN	Các cơ sở giáo dục	2022-2025
7	HĐ7	Triển khai Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
III	XHS3	Chuyển đổi số trong Báo chí truyền thông			
1	HĐ1	Xây dựng tòa soạn hội tụ công nghệ hiện đại, đưa toàn bộ nghiệp vụ báo chí lên môi trường số, bao gồm các hoạt động sản xuất, tối ưu hóa dữ liệu, quy trình xuất bản, hoạt động quản trị nội bộ của tòa soạn, hoạt động tương tác hai chiều với độc giả, đo lường số lượng độc giả.	Trung tâm truyền thông tỉnh	Các doanh nghiệp công nghệ số	2022-2024
III	XHS4	Hỗ trợ người dân chuyển đổi số			
1	HĐ1	Đưa 100% các sản phẩm OCOP, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử; Hoàn thành nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử Quảng Ninh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
2	HĐ2	Thực hiện chuyển đổi số cho các hợp tác xã, đặc biệt là các hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp và cho người nông dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2024
3	HĐ3	Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin về công tác dân tộc, phục vụ xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	Ban Dân tộc	Các sở, ngành, địa phương	2022-2023

4	HĐ4	Triển khai mô hình truyền thông hướng tới người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Ninh	Trung tâm Truyền thông tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan	2022-2024
IV	XHS5	Phát triển, triển khai các ứng dụng số cung cấp tiện ích, phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh			
1	HĐ1	Triển khai hiệu quả ứng dụng Công dân số trên nền tảng thiết bị di động với mục tiêu mỗi người dân Quảng Ninh và du khách có điện thoại di động thông minh đều cài đặt và sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân.	Trung tâm truyền thông tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành; các tổ chức đoàn thể	2022-2024
2	HĐ2	Hoàn thành triển khai mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) gắn với bản đồ số đến 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh	Bưu điện tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
3	HĐ3	Phát triển, triển khai ứng dụng số quản lý tập trung các thông tin về nhu cầu sử dụng, tuyển dụng lao động, nhu cầu việc làm và hỗ trợ mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận, lựa chọn được việc làm phù hợp theo yêu cầu cá thể hóa	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	2023
4	HĐ4	Phấn đấu toàn bộ người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn Quảng Ninh tiếp cận thông tin về tỉnh thông qua ứng dụng Quang Ninh Media	Trung tâm Truyền thông tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023
5	HĐ5	04 thành phố (Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái) cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh phục vụ người dân doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực môi trường, đô thị, xây dựng, chiếu sáng, giáo dục, y tế, giao thông... tích hợp trên ứng dụng Công dân số	04 thành phố (Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái)	- Các sở, ban, ngành	2022-2025
6	HĐ6	Triển khai ứng dụng VssID-BHXXH số trên địa bàn tỉnh	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2022-2023
7	HĐ7	Triển khai xây dựng phần mềm đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đồng bộ trong toàn tỉnh	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương	2022-2023

8	HD8	Tổ chức triển khai, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các địa phương	2022-2025
9	HD9	Lựa chọn mô hình chuyển đổi số để triển khai đơn vị, địa phương, yêu cầu mỗi địa phương có ít nhất 1 mô hình chuyển đổi số	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành	2022-2023
V	XHS6	Thúc đẩy hiện đại hóa trang thiết bị cho người dân và văn hóa số			
1	HD1	Xây dựng bộ tiêu chí về văn hóa số của người Quảng Ninh văn minh, lịch sự trên môi trường số	Sở Văn hóa Thể thao	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
2	HD2	Phổ cập thiết bị di động thông minh cho người dân với mục tiêu mỗi người dân trưởng thành đều có một máy điện thoại di động thông minh để khai thác, sử dụng các tiện ích số. Phổ cập cáp quang, sóng di động băng rộng đến các hộ gia đình, thôn, bản	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
3	HD3	Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn tỉnh với mục tiêu mọi người dân đều được tiếp cận thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025
4	HD4	Xây dựng và áp dụng cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025



PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ PHẢI HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai/hoàn thành
1	Chủ trì, lựa chọn và đào tạo 100 cán bộ nòng cốt chuyển đổi số trong các cơ quan của Ban Đảng, các sở, ban, ngành và khối mặt trận tổ quốc, đoàn thể, địa phương để làm hạt nhân dẫn dắt, triển khai quá trình chuyển đổi số (Bắt đầu triển khai từ tháng 3/2022)	Sở TTTT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trong năm 2022
2	Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số của các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố; các xã phường, thị trấn và triển khai phần mềm đánh giá, chấm điểm chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, đồng bộ với hệ thống của Bộ TTTT.		Các sở, ban, ngành, địa phương	2022.
3	Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu; lãnh đạo chuyên trách về CNTT (CIO); cán bộ chuyên trách CNTT (IT) tại các cơ quan nhà nước và đội ngũ làm công tác truyền thông; đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực quản trị cho cán bộ vận hành IDC của tỉnh.		Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
4	Đăng cai tổ chức Hội chợ công nghệ số Make in Viet Nam quy mô quốc gia.		Các sở, ban, ngành, địa phương	2022
5	Thực hiện Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn và Voso.vn, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp nông thôn tỉnh Quảng Ninh		Sở Công Thương, các sở, ban, ngành, địa phương	2022
6	Thuê bổ sung hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến xuống cấp xã giai đoạn 2		Các sở, ngành, địa phương	2022-2023

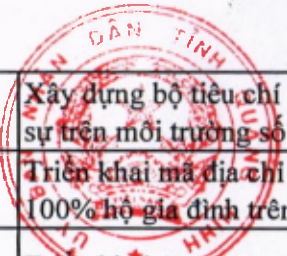
7	Nâng cấp hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng các quy định, yêu cầu về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ		Các sở, ban, ngành, địa phương	2022
8	Triển khai 50 trạm phủ sóng các vị trí lờm sóng di động cho 54 thôn; triển khai hạ tầng và sẵn sàng cung cấp dịch vụ băng thông rộng cho 96 thôn (Viettel 39 thôn, VNPT 57 thôn) theo Kế hoạch 13/KH-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh		Các sở, ngành, địa phương	2022
9	Tiếp tục hoàn thiện dữ liệu dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm 100% dữ liệu công dân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, được cấp số định danh cá nhân và được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong độ tuổi.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
10	Tham mưu triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
11	Hoàn thành việc xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính quyền số	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	Tháng 11/2022
12	Xây dựng, tổ chức khóa đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị toàn tỉnh, trong đó 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.	Sở Nội vụ, Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ, ĐH Hạ Long	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
13	Triển khai nâng cấp phần mềm số hóa và lưu trữ điện tử	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022
14	Triển khai cơ sở dữ liệu về đất đai	Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022

15	Đưa 100% các sản phẩm OCOP trên các sàn thương mại điện tử; Hoàn thành nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử Quảng Ninh	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở TTTT, Ban Xây dựng nông thôn mới, các địa phương	Tháng 12/2022
16	Triển khai phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân. Mục tiêu đạt 100% người dân tỉnh Quảng Ninh có Hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy. Tích hợp các hệ thống y tế với nền tảng tiêm chủng COVID-19	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
17	Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phần đầu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Hạ Long, Trường, Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh, Sở TTTT và các cơ sở giáo dục...	2022
18	Hoàn thành triển khai CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh; số hóa hồ sơ, tài liệu, bằng, học liệu...	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
19	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo đến các sở, ngành, địa phương, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia theo hướng không dùng báo cáo giấy, giảm bớt yêu cầu cấp dưới báo cáo cấp trên, tăng cường sử dụng số liệu theo thời gian thực.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tháng 6/2022
20	Xây dựng và triển khai hệ thống hợp không giấy tờ trong toàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
21	Triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
22	Triển khai CSDL tập trung về quản lý thu chi ngân sách nhà nước; hệ thống báo cáo thống kê, báo cáo tài chính, ngân sách, công khai ngân sách; tổng hợp dự toán ngân sách, lương và cải cách tiền lương; CSDL thông tin thanh tra tài chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022

23	Hoàn thành việc triển khai ISO điện tử trong phạm vi toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2022
24	Đưa vào vận hành hiệu quả dự án ứng công nghệ thông tin nâng cao hoạt động ngành du lịch Quảng Ninh (giai đoạn 1)	Sở Du lịch	Ban quản lý dự án đầu tư các Công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022
25	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cấp và quản lý mã số vùng trồng, vùng nuôi thủy sản và các trang trại lớn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022
26	Số hóa CSDL 3 loại rừng và quản lý tài nguyên rừng, diễn biến rừng tích hợp và bản đồ đất đai của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương	2022
27	Xây dựng CSDL về thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022
28	Xây dựng CSDL địa lý quản lý nuôi tôm nước lợ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2022
29	Đưa các sản phẩm nông sản, thủy sản lên các sàn thương mại điện tử	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
30	Thí điểm mô hình Làng Thông minh (Làng chuyển đổi số gắn với Chương trình Mỗi xã phường một sản phẩm OCOP) tại khu vực Miền Tây, Miền Đông và hải đảo (Mỗi vùng 1 mô hình)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Du lịch, UBND TX Đông Triều	2022
31	Triển khai số hóa các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể từ năm 2010 trở lại đây	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT	2022
32	Xử lý công việc hoàn toàn ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã, chú số điện tử trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ)	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT	2022

33	Triển khai và thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số, mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ 100% doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử	Cục Thuế tỉnh	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 6/2022
34	Triển khai phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt. Trong đó 100% các trường học, bệnh viện, trung tâm hành chính công và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã trên địa bàn tỉnh thanh toán không dùng tiền mặt.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Trung tâm hành chính công các cấp, các doanh nghiệp viễn thông và các sở, ngành, địa phương có liên quan.	Tháng 12/2022
35	Triển khai mobile money	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
36	Số hóa kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các địa phương; triển khai thí điểm trợ lý ảo trong giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh	Các sở, ngành, địa phương	Trong năm 2022
37	Triển khai mô hình truyền thông hướng tới người dân là trung tâm, thúc đẩy phát triển công dân số tại Quảng Ninh; Tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân trên các nền tảng truyền thông của tỉnh	Trung tâm Truyền thông tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan	2022
38	Hoàn thành, đưa vào sử dụng Trung tâm Kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ninh	Ban quản lý dự án đầu tư các Công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6/2022
39	Hoàn thành triển khai các dự án thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh đang được giao làm Chủ đầu tư	Ban quản lý dự án đầu tư các Công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND TP Hạ Long	2022

40	Triển khai thí điểm Trung tâm điều hành thành phố thông minh tại thành phố Cẩm Phả, thành phố Uông Bí	UBND TP Cẩm Phả, Uông Bí	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	2022
41	Triển khai mô hình cửa khẩu số tại các địa phương: Bình Liêu, Hải Hà, Móng Cái	UBND 4 địa phương; Công an tỉnh; BCH BĐ Biên phòng tỉnh; Cục Hải quan tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Sở Công Thương; Sở Y tế	Sở TTTT; các doanh nghiệp chuyển đổi số và các sở, ngành liên quan	Tháng 12/2022
42	Số hóa trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân	Sở TTTT	Trong năm 2022
43	Triển khai sổ tay đảng viên điện tử		Sở TTTT	Trong năm 2022
44	Xây dựng chương trình chuyển đổi số doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
45	Xây dựng tổ chức các khoá đào tạo để nâng cao nhận thức và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp	2022
46	Tuyên truyền, phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy phát triển kinh tế số. Mục tiêu hết năm 2022 đạt tối thiểu 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa được trải nghiệm miễn phí các nền tảng số Việt Nam	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Sở Công Thương, Sở TTTT, Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, IPA, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Liên minh hợp tác xã	Tháng 12/2022
47	Tham mưu xây dựng, bổ sung cơ chế thu hút đầu tư, trong đó quy định rõ hàm lượng sử dụng công nghệ thông minh, công nghệ số, công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất, cung cấp dịch vụ của các dự án khi đầu tư tại các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh.	Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, Ban quản lý khu kinh tế Vân Đồn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư và Xã hội và các sở, ngành, địa phương có liên quan	2022



48	Xây dựng bộ tiêu chí về văn hóa số của người Quảng Ninh văn minh, lịch sự trên môi trường số	Sở Văn hóa Thể thao	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
49	Triển khai mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) gắn với bản đồ số đến 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh	Bưu điện tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
50	Triển khai ứng dụng VssID-BHXXH số trên địa bàn tỉnh	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2022
51	Triển khai hạ tầng mạng di động 5G tại khu hành chính của tỉnh (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các trụ sở Liên cơ quan), 03 bệnh viện thông minh, khu du lịch Tuần Châu	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở TTTT, các địa phương	2022